

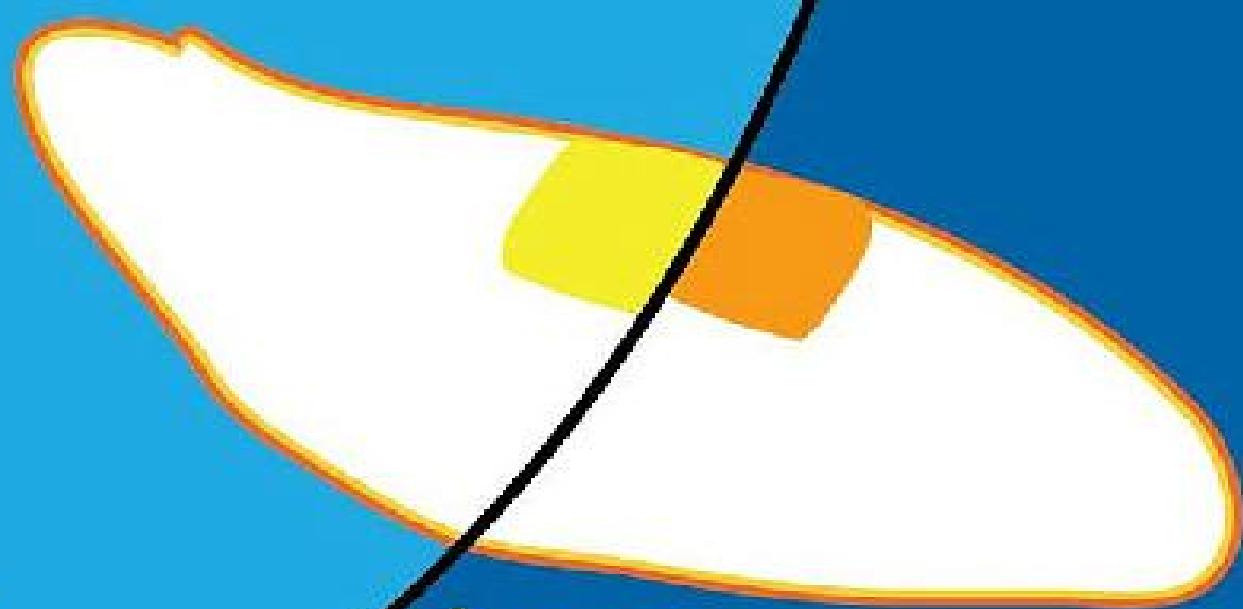
LÊ THANH TÙNG - LÊ THANH DŨNG

(SƯU TẬP VÀ DỊCH)

# CHUYỆN GABROVO

HISTOIRES GABROVIENNES

SONG NGỮ  
VIỆT-PHÁP



PHUONGDONG



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

# Mục lục

- [Thay lời mở đầu](#)
- [Chỉ còn có củ cải!](#)
- [Ý nghĩa của giá trị](#)
- [Cái giá của hy vọng](#)
- [Lý lẽ không bắt bẻ được](#)
- [Mỏ vàng](#)
- [Biết đâu đây?](#)
- [Thanh toán chi phí](#)
- [Ở nhà tắm công cộng](#)
- [Một giấc mơ](#)
- [Những con ong tập sự](#)
- [Tốt bụng](#)
- [Học trò lấu cá](#)
- [Hỏi bệnh không mất tiền](#)
- [Làm cú một ăn hai](#)
- [Một bài học hay](#)
- [Nghi binh](#)
- [Cùng Gabrôvô cả](#)
- [Thứ vô dụng](#)
- [Tạm biệt](#)
- [Trong thời đại đồng lu-i vàng](#)
- [Những đứa trẻ khôn trước tuổi](#)
- [Ở tiệm ăn](#)
- [Năm mươi năm mươi](#)
- [Ai thô lỗ hơn ai](#)
- [Xúng đôi](#)
- [Lối thoát duy nhất](#)
- [Lễ vật kiểu Gabrôvô](#)
- [Tỏ tình](#)
- [Tự tin](#)
- [Ở phòng chữa răng](#)
- [Máu người Gabrôvô không biết nói dối](#)
- [Lịch sự kiểu Gabrôvô](#)

- Khéo bóng.gió
- Đồng bạc ra khói
- Mất món hời
- Bực mình là phải
- Thời gian là tiền bạc
- Món đồ hạ giá
- Cùng một cỡ
- Thành thực trong buôn bán
- Suy diễn có lý
- Chẳng có gì to chuyện
- Đãi khách kiểu Gabrôvô
- Chẳng mất gì
- Một người lười
- Nhìn xa
- Kiên hàng có tính cước
- Celsius chưa nghĩ đến
- Ruồi đứng.gác
- Ở tiệm ăn
- Thích nhất
- Ánh sáng của trời
- Hơi quá đáng đây!
- Sòng.phẳng thì dễ sống
- Nhận xét chí lý
- Không lãng.phí
- Hàng hạ giá
- Tính thêm
- Hào phóng
- Một mặt trăng rẻ hơn
- Cái đình
- Liên tưởng
- Sòng.phẳng thì dễ sống
- Cách làm chắc chắn
- Chỉ nhìn thấy ít thôi
- Khoản tiết kiệm bất ngờ
- Một con nợ
- Thiên hướng
- Vụ làm ăn lỗ

- [Ở khách sạn](#)
- [Căn hộ lý tưởng](#)
- [Tiến thoái lưỡng nan](#)
- [Biên bản](#)
- [Trên bàn mô](#)
- [Hỏi luôn một thể](#)
- [Hôn nhân của lý trí](#)
- [Phao cấp cứu](#)
- [Ai lấu cá hơn ai](#)
- [Phạt](#)
- [Thỏa thuận ngầm](#)
- [Tái bút](#)
- [Ông chủ sẽ hài lòng](#)
- [Lời hứa tranh cử](#)
- [Lời khuyên hay](#)
- [Giá trị của lao động](#)
- [Trong xe khách](#)
- [Tiết kiệm](#)
- [Tiếp từng người theo thứ hạng của họ](#)
- [Nhận lỗi](#)
- [Lỡ dịp may](#)
- [Một sự đăng trí lớn](#)
- [Lời mời của người Gabrôvô](#)
- [Hào phóng](#)
- [Truyền hình](#)
- [Đúng giữa](#)
- [Không đúng chỗ](#)
- [Trăm tuổi](#)
- [Bánh sừng bò](#)
- [Nghệ thuật để trở thành nhà buôn](#)
- [Tưởng tượng](#)
- [Giết thời gian](#)
- [Thật là lịch sự!](#)
- [Xã giao](#)
- [Trọng lượng và kích thước](#)
- [Không thỏa hiệp](#)
- [Chiếc mũ rơm](#)

- [Quảng cáo](#)
- [Chuyện vặt](#)
- [Nền nông nghiệp lẽ tang](#)
- [Trả công hậu hĩ!](#)
- [Hào hiệp](#)
- [Làm khách](#)
- [Góc độ nhìn](#)
- [Biện pháp hay](#)
- [Một kỷ lục về tuổi thọ](#)
- [Cuộc so tài](#)
- [Ông thế nào, cháu thế ấy](#)
- [Hỏi bệnh ở Gabrôvô](#)
- [Vấn đề không phải ở chỗ đó](#)
- [Hào phóng](#)
- [Danh thiếp](#)
- [Triển vọng](#)
- [Lời khuyên ân cần](#)
- [Nhờ ăn cá](#)
- [Chuyến đi cuối cùng](#)
- [Một thời thượng](#)
- [Quà tết](#)
- [Cửa chính](#)
- [Trên xe lửa](#)
- [Tuổi trẻ hoang phí](#)
- [Cáo phó](#)
- [Tĩnh táo](#)
- [Chủ nhật](#)
- [Chọn địa điểm](#)
- [Bài học đầu tiên](#)
- [Mù tạt không mất tiền](#)
- [Sức mạnh của thói quen](#)
- [Con sư tử thả rông](#)
- [Quà cưới](#)
- [Cá cược](#)
- [Quà tặng kiêu Gabrôvô](#)
- [Lòng biết ơn](#)
- [Kích thích](#)

- [Không mất tiền](#)
- [Vũ hội](#)
- [Lớp con cháu đáng nể](#)
- [Không còn sự lựa chọn nào khác](#)
- [Gia giáo](#)
- [Đo theo chân](#)
- [Thân tình](#)
- [Câu trả lời hay](#)
- [Để kết thúc](#)

# Thay lời mở đầu

Hài hước Gabrôvô ư? Đó là một kho báu vô tận.

L'humour Gabrovien? Un trésor inépuisable.

*(Guéorgui Kaloiantchev)*

... Bạn đã gặp một người nào khoái chí với việc người ta cười mình chưa?  
Tôi đoán chắc là chưa.

Vậy mà, có người như thế: người Gabrôvô. Người Gabrôvô chọc cười người khác, nhưng cũng biết cười chính mình.

Và đó chính là nét đặc sắc làm cho họ càng đáng yêu.

Bạn hãy cùng cười với họ!

... Avez-vous déjà rencontré un homme qui s'amuse qu'on rie de lui? Je  
pari bien que non.

Pourtant, cet homme existe: le Gabrovien.

Le Gabrovien fait rire les autres, mais il sait aussi rire de soi-même.

Et c'est là un trait qui le rend encore plus sympathique.

Riez avec eux!

*(Spass Guergov)*

NGƯỜI TA NÓI VỀ NGƯỜI GABRÔVÔ RẰNG...

ON DIT DES GABROVIENS QUE...

... bạn đừng dùng đồng hồ để khỏi làm mòn nó.

... la nuit ils arrêtent leurs horloges pour ne pas les user.

\*

... chủ nhật, để đi nhảy vòng tròn, họ đệm miếng dạ vào giày để nghe được tiếng nhạc từ làng Sêliêvô ngay bên cạnh.

... le dimanche, pour aller danser la ronde, ils mettent des savates de feutre. Ainsi ils peuvent entendre la musique de Sêliévo, une vill toute proche.

\*

... cứ mỗi lần ăn ốc sên, lại xâu vỏ vào một sợi dây. Nhồi gạo vào, họ làm món súp không mỡ, còn ruột ốc sên - thành canh béo... Họ cũng mượn các vỏ ốc sên này của hàng xóm khi có khách đến thăm bất thường.

... lorsqu'ils mangent une fois des escargots, ils enfilent les coquilles sur une ficelle. Farcies de riz, ils en font une soupe maigre, et de tripes-un bouillon gras... On se prête aussi ces coquilles entre voisins lorsque des visiteurs vous viennent à l'improvisite.

\*

... miếng chắn hai bên mắt ngựa được sơn màu lá cây để mặt cửa mà họ cho chúng ăn trông giống như cỏ.

... les œillères de leurs chevaux sont peintes en vert, afin que la sciure de bois qu'ils leur donnent ressemble à du foin.

\*

... để có vịt đẻ, họ thay trứng cò bằng trứng vịt cái. Đó là lý do ở Gabrôvô không còn cò.

... pour avoir des canards, ils changent les œuf des cigognes avec des œuf de cane. C'est pourquoi il n'y a plus de cigognes à Gabrovo.

\*



... để nhà trở nên rẻ hơn, họ mua những lô nhỏ hẹp, trên đó họ xây thành tầng một. Sau đó họ xây bám vào đó tầng hai nhô ra nửa đường phố.

... pour que leurs maisons reviennent moins cher ils achètent lotissements exigus, sur lesquels ils contruisent le rez-de-chaussée. Puis ils se rattapent avec le premier étage qui surplombe la moitié de la rue.

\*

... biếu những con chim bồ câu đã được thuần hoá để chào mừng khách quý. Khi được thả ra, chúng bay một mạch về nhà.

... pour honorer leurs visiteurs de marque ils leur offrent des pigeons apprivoisés. Dès qu'ils sont lâchés, les oiseaux reviennent tout droit au bercail.

\*

... để khỏi phải trả tiền cho người nạo mũi, họ thả một con mèo qua ống khói.

... pour ne pas payer au ramoneur, ils font passer un chat par la cheminée.

\*

... khi ăn cá, giữ lại những cái xương mà sau đó họ có thể dùng làm tắm xĩa răng.

... lorsqu'ils mangent du poisson, ils gardent les arêtes qu'ils utilisent par la suite comme cure-dent.

\*

... khi chọn một gian buồng để thuê, trước hết xem xét liệu nó có được một ngọn đèn đường chiếu sáng hay không.

... lorsqu'ils choisissent une chambre à louer ils vérifient tout d'abord si elle est éclairée par un réverbère.

\*

... buổi sáng ra chợ, một cái bánh mì tròn dưới nách, đi hết quầy này đến quầy khác ném chỗ này ít pho mát, chỗ kia ít bơ... và có được một bữa sáng ra trò!

... le matin au marché, une miche de pain sous le bras, ils vont d'étal en étal goûter ici du fromage, là du beurre... et s'en vont nantis d'un solide petit déjeuner!

\*

... ban đêm thắp đèn trong các chuồng gà để cho các con gà tưởng trời sáng, lại đẻ nữa.

... la nuit ils allument des lampes dans les poulaillers, afin que les poules, croyant qu'il fait jour, pondent de nouveau.

\*

... không làm mòn ký ức của mình vì một mớ những chuyện chẳng dùng được vào việc gì. Họ chỉ nhớ những gì có lợi cho họ.

... se refusent à user leur mémoire en l'encombrant de choses inutiles. Ils se souviennent seulement de ce qui peut leur profiter.

\*

... cắt đuôi những con mèo của họ để đóng cửa lại phía sau nó được nhanh hơn và căn buồng khỏi hạ mất nhiệt.

... coupent les queues de leurs chat, afin que l'on referme plus vite la porte après eux et que la chambre ne refroidisse pas.

\*

... làm món canh thịt hầm tuyệt vời bằng các que xiên dùng để nướng thịt cừu.

... font un excellent consommé avec les broches qui servent à rôtir les agneaux.

\*

... l'assort un petit vider dans le jaune d'œuf pour en tirer autant qu'ils veulent.

... boivent seulement du vin rouge parce qu'il reste au fond de la bouteille au moins un peu de lie.

... boivent seulement du vin rouge parce qu'il reste au fond de la bouteille au moins un peu de lie.

... boivent seulement du vin rouge parce qu'il reste au fond de la bouteille au moins un peu de lie.

\*

... boivent seulement du vin rouge parce qu'il reste au fond de la bouteille au moins un peu de lie.

... boivent seulement du vin rouge parce qu'il reste au fond de la bouteille au moins un peu de lie.

\*

... boivent seulement du vin rouge parce qu'il reste au fond de la bouteille au moins un peu de lie.

... boivent seulement du vin rouge parce qu'il reste au fond de la bouteille au moins un peu de lie.

\*

... boivent seulement du vin rouge parce qu'il reste au fond de la bouteille au moins un peu de lie.

... boivent seulement du vin rouge parce qu'il reste au fond de la bouteille au moins un peu de lie.

\*

... mời nhau ăn bữa tối, mỗi người tự trả tiền; trong những bữa tiệc lớn, mỗi người mang theo thịt cừu nướng của mình.

... s'invitent mutuellement à dîner, chacun payant son écot; dans les grandes occasions, chacun apporte son agneau rôti.

\*

... giỏi đến nỗi tất cả các điều mới lạ mà người ta nghe mọi người nói đến đều là bắt nguồn từ Gabrovô.

... sont tellement ingénieux que toutes les innovations dont on entend parler de par le monde seraient originaires de Gabrovo.

# Chỉ còn có củ cải!

Một nông dân trong xóm gần Gabrôvô ra tỉnh để bán củ cải. Đến giữa cầu Konasche, con lừa dừng lại và không muốn đi nữa. Sốt ruột, anh ta bắt đầu đánh đập con vật ương ngạnh bằng khúc gậy. Một người nào đó gọi hỏi ông ta:

- Này, nói xem nào, ông còn lương tâm không đấy?

Người nông dân trả lời:

- Thưa quý ông, không ạ. Lương tâm tôi đã hết rồi. Tôi chỉ còn có củ cải thôi.

## **Rien que du navet!**

Un cultivateur habitant un hameau près de Gabrovo partit en ville pour vendre des navets. Au beau milieu du pont de Konasche son âne s'arrêta et ne voulut plus avancer. L'homme perdit patience et se mit à battre l'animal récalcitrant avec son gourdin. Quelqu'un l'interpella:

- Eh! Dis donc! As-tu de la conscience?

- Non, mon bon monsieur! répondit le paysan. Je l'ai finie. Je n'ai plus que du navet!

# Ý nghĩa của giá trị

Một ông thợ cả ở Gabrôvô, ngồi cùng bàn với người học việc của mình để ăn sáng. Sau khi đã cắt những miếng bánh, ông ta mở chai dầu và quệt bánh vào cái nút chai. Thấy người học việc có vẻ muốn bắt chước, ông thợ cả đập vào tay cậu ta và nghiêm khắc mắng rằng:

- Bao giờ mày là thợ cả như tao thì mới được chấm bánh vào nút chai. Còn bây giờ, bóng cái chai là đủ cho mày chấm rồi.

## Sens des valeurs

Un maître de Gabrovo s'était attablé en compagnie de son apprenti pour déjeuner. Avant découpé des mouillettes, il déboucha la bouteille d'huile et se mit à frotter le pain sur le bouchon. Lorsque le jeune apprenti fit mine de l'imiter, le maître lui tapa sur la main, le réprimandant sévèrement:

- Quand tu seras maître comme moi, tu pourras tremper ton pain au bouchon. Pour l'instant, l'ombre de la bouteille te suffit!

# Cái giá của hy vọng

Xổ số quốc gia mở mỗi tháng một kỳ, trong khi đó, xổ số Bóng đá Toto lại mở hằng tuần. Các thống kê chỉ ra rằng hầu hết dân Gabrôvô mua một vé xổ số quốc gia nhưng họ lại hầu như không tham gia vào trò chơi Toto. Các nhà xã hội học đã mất nhiều thời gian nghiên cứu điều bí ẩn ấy mà chẳng tìm ra lời giải cho đến khi có một người Gabrôvô cho họ một lời giải thích:

- Với xổ số Toto, chúng tôi sống trong hy vọng được có một tuần, còn với xổ số quốc gia, cái hy vọng ấy kéo dài được một tháng!

## Le prix de l'expoír

Le tirage de la Loterie nationale s'effectue une fois par mois, tandis que celui du Toto- football chaque semaine. Les statistiques montrent que les Gabroviennes achètent pratiquement tous un billet de la Loterie nationale, mais qu'ils ne participent presque pas au jeu du Toto. Les sociologues se penchèrent longuement sur cette énigme sans en trouver la réponse jusqu'au jour où un Gabroviennne leur fournit l'explication:

- Avec le Toto, on vit d'expoír une semaine, tandis qu'avec la Loterie nationale l'expoír dure tout un mois.

# Lý lẽ không bắt bẻ được

- Tôi mua hai vé cho tôi và cho vợ tôi, và vé giảm giá cho thằng con tôi.
- Thằng này khá lớn rồi đó, nó có mặc quần cộc nữa đâu, nó mặc quần dài rồi. Người phụ trách cửa bán vé nói.
- Vậy thì thế này, người Gabrôvô điềm nhiên nói. Hai vé nguyên cho tôi và thằng bé, còn vé giảm giá cho vợ tôi... Tôi có thể cam đoan với ông rằng bà ấy mặc quần cộc, thật mà.

## **Un argument irréfutable**

- Deux billets pour ma femme et moi, et un billet à prix réduit pour l'enfant.
- L'enfant est bien grand! Il ne porte plus de coulottes courtes, mais un pantalon! dit le préposé au guichetvoyageurs.
- Dans ce cas, réplique le Gabroviennne impertubable. Deux billets entiers pour ce garçon, et un billet à prix réduit pour ma femme... Et je puis vous affirmer qu'ell porte des coullotes courtes, elle!



# Mỏ vàng

-Bố ơi! Lúc đập thảm con bắt được một xu.

- Thế hả, tiếp tục đi con!

## Une mine d'or

- Papa! En battant le tapis j'ai trouvé un centime!

- Et bien, continue, ma petite!

# Biết đâu đây?

Một người Gabrôvô đi về nhà. Ông ta thấy trẻ con nô đùa và la hét ầm ĩ trên đường.

- Chúng mày làm gì ở đây thế? Ở góc đường có người đang chia táo! Nào, chạy nhanh lên!

Bọn trẻ ngừng chơi và lao về hướng đã chỉ.

Người kia sắp sửa bước qua bậc cửa nhà mình, nhưng một ý nghĩ chợt loé lên: “Ồ, mà nếu thế thật thì sao?” Và thế là đến lượt ông ta lao về phía bọn trẻ đã chạy.

## Qui sait?

Un Gabrovien rentre chez soi. Il voit dans la rue des enfants qui jouent et font un vacarme épouvantable.

- Qu'est-ce vous faites ici? Au coin de la rue, un homme distribue des pommes! Allons, courez vite!

Les enfants interrompent leurs jeux et se précipitent dans la direction indiquée.

L'homme s'apprête à franchir le seuil, mais une idée fulgurante lui vient à l'esprit: “Et si c'était vrai?” Et le voilà qui se précipite à son tour dans la direction où les enfants sont partis.

# Thanh toán chi phí

Một người Gabrôvô dẫn vợ đến bác sĩ giải phẫu. Ông bác sĩ nói:

- Đáng lẽ bà ấy phải cắt amidan từ lúc còn nhỏ.
- Thật thế sao? Vậy thì xin làm ơn lưu ý điều đó với bố vợ tôi!

## Règlement de compte

Un Gabrovien conduit son épouse chez le chirurgien.

- Elle aurait dû être opérée des amygdales encore enfant! Dit le praticien.
- Vraiment? Dans ce cas, présentez votre note d'honoraires à mon beau père!

# Ở nhà tắm công cộng

- Bao nhiêu tiền một bể nước tắm?

- Hai đồng.

- Đây, một đồng, ông mới đổ cho tôi nửa bể.

## Aux bain publics

- Combien coûte une baignoire?

- Deux leva.

- Voici un lev. Vous me la remplirez à moitié.

# Một giấc mơ

Ông chủ một xưởng lớn người Gabrôvô đi du lịch ở Ấn Độ. Trong một ngôi đền, ông ta dừng lại ngây ngất trước pho tượng nữ thần Chandra có sáu tay:

- Chao ôi! Ước gì ta có những nữ công nhân như thế!

## Un rêve

Un gros fabricant gabrovien voyageait au Indes. Dans un temple il s'arrête en extase devant une statue de la déesse Tchandra à six bras:

- Ah! Si je pouvais avoir des ouvrières comme ça!...

# Những con ong tập sự

Một người Gabrôvô đi thăm láng giềng. Chủ nhà mời uống mật pha nhiều nước đến nỗi chẳng còn mùi vị gì. Ông khách của chúng ta mới bảo rằng:

- Cái thứ mật này có từ thời các con ong còn chưa biết làm mật bằng hoa mà làm bằng nước!

## **Des abeilles novices**

Un Gabrovien rend visite à son voisin. On lui offre du miel copieusement coupé d'eau si bien qu'il n'a plus aucun goût. Notre homme dit alors:

- Ce miel, ça doit dater du temps où les abeilles ne savaient encore qu'on le fait avec des fleurs, mais avec de l'eau!

# Tốt bụng

Trong một quán rượu của một người Gabrôvô, một nhóm bạn bè đang ăn uống. Sau vài ly, một bầu không khí vui vẻ tràn ngập và một người trong số khách ăn, có lẽ hơi quá vui vẻ, gọi tiếp thêm một châu nữa, bảo ông chủ quán:

- Ông ghi vào sổ nợ của tôi nhé!

Ông chủ quán vừa bực mình lại vừa sợ mất ông khách sộp, đành miễn cưỡng làm theo. Nhưng khi người khách nợ lại gọi thêm một châu nữa, mà vẫn là mua chịu, ông chủ quán không nén nổi nữa:

- Ô! Không được! Ông đã uống khá nhiều ở chỗ tôi rồi. Tôi đây không phải là người ky bo đâu! Còn khối quán khác... đến đó mà uống. Cũng dễ cho họ biết màu sắc đồng tiền của ông nó ra làm sao chứ!

## Altruisme

Dans un bistrot tenu par un Gabrovien, un groupe d'amis prenaient l'apéritif. Après quelque verres, la gaieté règne et un des consommateurs, un peu trop gai peut-être, commande une tournée, ajoutant:

- Tu l'inscriras sur mon ardoise!

Le Gabrovien, pris entre le désagrément et la crainte de perdre un bon client, s'exécute à contrecœur. Mais lorsque le client veut commander une autre tournée, toujours à crédit, il n'y tient plus:

- Ah! Non! Vous avez assez bu chez moi!... Je ne suis pas un égoïste, moi!... Il y a d'autres bistrot... Allez-y donc! Il faut bien qu'ils voient aussi la couleur de votre argent!

# Học trò lấu cá

Một cậu bé Gabrôvô học nghề thợ nề. Ông thợ cả bắt làm đến tận đêm.

Một tối, chú học việc kêu:

- Thầy ơi! Có con chuột trong đồng vữa!
- Tối mò mò, tao chẳng thấy gì cả. Ông thợ cả đáp, vẫn không ngừng tay.
- Này, tối rồi, nghỉ thôi! Chú học việc miệng nói tay cời tạp dề, bọn bạn đều làm theo.

## Un apprenti malin

Un petit Gabrovien fait son apprentissage chez un maître-maçon qui oblige ses apprentis de travailler longtemps après la tombée de la nuit.

- Maître! s'écria un soir l'apprenti. Il y a un souris dans le pâtre!
- Je vois rien dans ce noir! répliqua le maçon en continuant son travail.
- Ben, puisqu'il fait noir, on arrête! dit alors l'apprenti et il défit son tablier, imité par ses camarades



# Hỏi bệnh không mất tiền

Một người Gabrôvô đến gặp bác sĩ là bạn anh ta, đề tranh thủ hỏi mà chẳng phải mở túi tiền:

- Thưa bác sĩ, bác sĩ sẽ làm gì khi bị cảm cúm?
- Tôi hắt hơi! Nhà chuyên môn lạnh lùng trả lời. Chính ông ta cũng là dân Gabrôvô gốc lâu đời.

## Consultation gratuite

Un Gabrovien, rencontrant un médecin de ses amis, en profite pour obtenir un conseil sans bourse délier:

- Dis donc, Docteur! Qu'est que tu fais quand tu es enrhumé?
- J'éternue! Répond froidement l'homme de l'art, Gabrovien de vieille souche lui aussi.

# Làm cú một ăn hai

- Ông có muốn thoa phấn sau khi cạo mặt không?

- Cái đó có nằm trong giá cạo chứ?

- Tất nhiên.

- Vậy thì xin ông gói phấn lại cho vợ tôi! Ông khách, một ông Gabrôvô chính cống, yêu cầu.

## **D'une pierre deux coups**

- Voulez-vous de la poudre après rase?

- Ça entre dans le prix?

- Evidement!

- Alors enveloppez-m'en pour ma femme! Ordonne le client, Gabrovien, comme de just!

# Một bài học hay

Một ông hàng xóm đến cha Minio để lại vay tiền lần nữa trong khi chưa trả số tiền vay lần trước. Ông già cho vay lãi đón tiếp thân tình và sau khi nghe ông khách nói, bèn chỉ tay vào ngăn kéo và mời lấy tất cả số tiền ông ta muốn.

- Nhưng ngăn kéo rỗng không! Ông hàng xóm kêu lên.

- Làm sao anh muốn nó đầy được khi anh chưa trả tiền anh còn nợ tôi! Ông già giàu có thản nhiên trả lời.

## Une bonne leçon

Un voisin du père Minio alla lui rendre visite pour quémander un second emprunt, sans avoir rendu le premier. Le vieil usurier l'accueillit aimablement et, après l'avoir entendu, lui montra du doigt son tiroir, l'invitant à prendre tout l'argent qu'il lui fallait.

- Mais ce tiroir est vide! S'écria le voisin.

- Commande veux-tu qu'il soit plein, quand tu ne m'as pas rendu l'argent que tu me dois! Répliqua calmement le richissime vieillard.

# Nghi binh

Một người Gabrôvô chọn một khách sạn rẻ tiền trong tỉnh. Suốt đêm một lũ rệp bu trên người anh ta. Anh ta dậy, bật đèn, mở cửa rồi đóng lại cái rầm, đi ngủ lại.

Người khách trọ cùng buồng giật mình thức giấc, nhìn anh ta, vẻ ngây dại. Anh ta cười và nói:

- Làm thế để lừa cái lũ bần thiú ấy. Như vậy chúng sẽ tưởng tôi đã ra ngoài.

## Ruse de guerre

Un Gabrovien avoir choisi l'hôtel le moins cher de la ville. Durant la nuit une nuée de punaises s'abattirent sur lui. Il se leva, alluma la lampe, puis après avoir ouvert la porte, il la referma bruyamment et se recoucha.

A son compagnon de chambre, réveillé en sursaut, qui le regardait, l'air hébété. Il dit en riant:

- C'est pour feinter ces sales bêtes! Comme ça elles croiront que je suis sorti!

# Cùng Gabrôvô cả

-Này nhần cưới của cậu đâu?

- Tuần này, vợ tôi đeo!

## Entre Gabroviens

- Mais où est ton alliance?

- Cette semaine, c'est ma femme qui la porte!

# Thứ vô dụng

Một người Gabrôvô, khi trả tiền mua một chiếc ô tô mới, đã khấu trừ vào giá mua một khoản tiền với lý do đảm bảo tạm thời chạy tốt. Ba ngày sau, người bán nhận được một gói hàng, trong đó có cái còi xe, kèm theo mảnh giấy do vợ người mua hàng viết:

“Tôi gửi trả ông cái còi, vì chồng tôi, sau khi miệt mài tập dượt, đã học được cách bắt chước rất giống tiếng còi xe. Ông hãy khấu trừ giá trị cái còi vào số tiền còn lại và gửi cho chúng tôi cái biên lai”.

## Les pièce inutiles

Un Gabrovien, en payant sa voiture neuve, avait soustrait du prix une certaine somme à titre de garantie provisoire de bon fonctionnement. Dès le troisième jour, le vendeur reçut un paquet contenant le klaxon de la voiture, ainsi qu'un billet écrit par l'épouse de l'acheteur:

“Je vous rends le klaxon, car mon mari, après s'être bien exercé, a appris à imiter le bruit à la perfection. Défalquez la valeur du klaxon de la somme qui reste à payer et envoyez-nous la facture.”

# Tạm biệt

Một người đàn bà Gabrôvô về thăm bố mẹ. Sau khi đã chào từ biệt, chị ta dừng chân ở cửa nói:

- Con có quên gì không nhỉ?
- Mà có mang gì về đâu mà quên - Bố mẹ chị ta cùng nói.

## Adieux

Une Gabroviennne visite ses parents. Après avoir pris congé, elle s'arrête sur le pas de la porte, en disant:

- N'ai-je rien oublié?
- Qu'as-tu donc apporté, pour l'oublier! firent ses parent en chœur.

# Trong thời đại đồng lu-i vàng

Đêm đã khuya, một người Gabrôvô đi ra khỏi ga Sofia. Ông ta đến một cỗ xe ngựa, lên xe và cho một địa chỉ rất xa. Người đánh xe thâm nghĩ: “A, ra thế đây, ta phải vật lông thẳng cha này! Mà hấn cũng không thềm mặc cả nữa chứ!”

Xe chạy một thôi dài, gần đến nơi, người khách chợt kêu lên:

- Dừng lại! Tôi mất một cái gì rồi!

Ông ta xuống xe và hỏi mượn bao diêm của người đánh xe, giọng lạc hẳn đi:

- Tôi đánh rơi một đồng lu-i vàng trong xe rồi!

Người đánh xe vội quất ngựa phóng như bay.

Ông khách Gabrôvô của chúng ta, nét mặt rạng rỡ nụ cười, chỉ còn hai bước là về tới nhà.

## A l' époque des louis d'or

Tard dans la nuit, un Gabrovien sort de la gare de Sofia. Il se dirige vers un fiacre, s'installe et donne une adresse très éloignée. Le cocher jubile: “Ah! Ce-lui là, je vais le plumer! Il n'a même pas songé à débattre le prix de la course!”

Au bout d'un long moment, alors qu'ils sont presque arrivés, le client crie soudain:

- Arrête! J'ai perdu quelque chose!

Il descend du fiacre et d'un air égaré demand des allumettes au cocher:

- J'ai laissé tomber louis d'or dans le fiacre.



Le cocher fouette ses chevaux et repart en trombe.

Notre Gabrovien, le visage illuminé d'un large sourire, n'a que deux pas à faire pour rentrer chez lui!

# Những đứa trẻ khôn trước tuổi

Một chú bé Gabrôvô hỏi người bán “ghevrek”, loại bánh xốp giòn có hình vòng tròn:

- Bác ơi, bao nhiêu tiền cái lỗ ở giữa bánh?
- Không mất tiền, cháu ạ.
- Thế thì cho cháu một cái lỗ to có nhiều bánh xung quanh ấy.

## Les enfants précoces

Un petit Gabrovien demande au marchand de “ghevrek”, ces brioches croustillantes en forme cerceau:

- Combien coûte le trou du ghevrek?
- Mais rien du tout, mon petit!
- Alors donne-moi un grand trou avec beaucoup de ghevrek autour!

# Ở tiệm ăn

Một ông khách Gabrôvô:

- Chú bé! Có đồng hai xu rơi xuống gầm bàn. Nếu chú tìm được thì trả cho tôi. Nếu không thì coi đó là tiền boa!

## **Au restaurant**

Un client Gabrovien:

- Garçon! Une pièce de deux sous et tombée sous la table. Si tu la trouves, donne la moi. Si non, garde-la comme pourboire!

# Năm mươi năm mươi

Hai anh nông dân Gabrôvô hợp tác và có chung một con lừa. Một trong hai người thăm dò:

- Anh muốn nửa nào của con lừa?
- Nửa là sao? Ta đã mua chung kia mà.
- Tất nhiên. Nhưng mỗi chúng ta phải biết phần nào của mình chứ.

Không do dự, người kia nói luôn là anh ta muốn phần trước.

- Tôi bằng lòng, người bạn nói. Rồi anh ta chải đuôi con vật, đuôi ruồi. Sau đó anh ta quay sang anh bạn:

- Đây tôi đã chăm sóc phần con lừa của tôi. Đến lượt anh chăm sóc phần của anh đi. Đi mua mua cỏ và thóc cho nó và nuôi nó tử tế để hợp tác của chúng ta được phát triển tốt đẹp.

## Moitié-moitié

Deux cultivateur gabroviens s'étaient associés et avaient un âne en commun. L'un d'eux s'enquit:

- Quelle moitié de l'âne veux-tu?
- Comment ça - la moitié? Nous l'avons acheté en commun.
- Sans doute. Mais chacun de nous doit savoir quelle moitié il possède.

Sans hésiter l'autre déclara qu'il voulait le devant.

- Je te l'accorde, dit son compère. Puis il étrilla la queue de l'animal et en chassa les mouches. Après quoi, il se tourna vers son associé:

- Voilà! J'ai pris soin de ma partie de l'âne. A ton tour de prendre soin de la tienne. Va acheter du foin et de l'orge et nourris-le bien, afin que notre association prospère.

# Ai thô lỗ hơn ai

Ở Gabrôvô có nhà buôn lớn, đôi lúc cho vay nặng lãi, đó là ông thầy dòng Minio. Một tối, ông nông dân ở làng bên đến gặp ông để bàn việc. Được một lúc cha Minio đứng lên tắt đèn.

- Tại sao phải lãng phí dầu như vậy, ông ta nói. Người ta vẫn nghe rõ trong bóng tối kia mà.

Bàn chuyện xong, ông già keo kiệt đứng lên châm đèn.

- Khoan đã! Ông khách kêu lên. Để tôi mặc quần đã, bởi vì tôi tự bảo trong bóng tối chẳng cần gì phải dùng đến nó.

## **A pignouf, pignouf et demi**

Il a vait à Gabrovo un gros commerçant, usurier à ses heures, appelé Minio le Pope. Un paysan des hameaux voisins de la ville vint un soir le visiter pour affaires. A un moment le père Minio se leva et éteignit la lampe.

- Pourquoi gaspiller le petrole, fit-il. On s'entend tout aussi bien dans l'obscurité.

A la fin de l'intretien, le veil usurier se leva pour rallumer la lampe.

- Attends un peu! s'creria le visiteur. Que le remette mes culottes. Puisqu'on restait dans le noir, je me suis dit que c'était pas la peine de les user!

# Xúng đôi

Hai người Gabrôvô trẻ tuổi thích có một tình yêu dịu dàng. Nhưng biết gặp nhau ở đâu trong thành phố của cái tỉnh này, ngoài tiệm nháy. May sao, bố mẹ cô gái có việc phải vắng nhà và cô quyết định mời người yêu đến nhà mình. Để an toàn hơn, họ thoả thuận một tín hiệu: cô gái sẽ ném một đồng xu xuống bậc thềm. Khi nghe thấy tiếng leng keng của đồng tiền, chàng sẽ biết là đường lên đã thông thoáng.

Cô gái ném đồng xu. Cô đợi khá lâu và khi không còn kiên nhẫn nữa, cô quyết định ra xem anh bạn của mình làm gì. Cô gái thấy anh ta đang bò bốn cẳng sờ sẫm các tấm đá lát trước thềm.

- Anh muốn mang trả em đồng xu. Chàng trai nói để xin lỗi.

Cô gái cười phá lên:

- Nhưng em đã buộc nó vào sợi chỉ rồi, đây này!

## Un couple assorti

Deux jeunes Gabroviens s'aimaient d'amour tendre. Mais où se rencontrer dans une ville de province, cancanière comme nulle autre. Par bonheur, les parents de la jeune fille devaient s'absenter et elle décida d'inviter son galant chez elle. Mais, pour plus de sûreté, ils avaient convenu d'un signal: elle devait jeter une piécette de monnaie sur les marches du perron. Dès qu'il entendrait le tintement de la piécette, le jeune homme saurait que la voie est libre.

La jeune fille jeta piécette. Elle attendit un bon moment et, perdant patience, décida de sortir pour voir ce que fait son amoureux. Elle l'aperçut à quatre pattes, tâtonnant les dalles devant le perron.

- Je voulais te rapporter ta piécette, dit-il, pour s'excuser.

La fille éclata de rire.

- Mais je l'avais attachée à un fil, voyons!



# Lối thoát duy nhất

Hai sinh viên người Gabrôvô vừa mua mỗi người một chiếc mũ cát. Vừa ra khỏi cửa hàng mũ, một trận mưa rào đổ ập xuống. Trú dưới một vòm cửa, hai anh bạn của chúng ta đắn đo... Bỗng, nét mặt họ rạng rỡ lên. Họ đổi mũ cho nhau và bước đi thanh thản dưới mưa, vì mưa đang làm ướt... mũ của người khác.

## La seul issu

Deux étudiantes gabroviens venaient de s'acheter une casquette chacun. A peine sortis du chapelier une pluie diluvienne et se met à tomber. Abrités sous un porche, nos deux ami réfléchissent... Soudain, leurs visages s'illuminent. Ils échangent leurs casquettes et s'en vont tranquillement sous la pluie, qui mouille... la casquette de l'autre.

# Lễ vật kiểu Gabrôvô

Một người Gabrôvô lâm bệnh nặng. Thu hết lực tàn, anh ta quì trước điện thờ và khấn:

- Cầu Chúa phù hộ cho con được khỏi bệnh. Con sẽ bán con ngựa lấy tất cả tiền để mua nến thờ tạ ơn Chúa.

Thế rồi xảy ra chuyện người Gabrôvô hồi phục sức khỏe. Dù sao chẳng nữa anh ta phải giữ lời hứa. Sau khi cân nhắc hồi lâu, anh ta tống một con gà vào cái đẩy và dắt ngựa ra chợ.

- Ai mua con ngựa hai đồng đây! Một con ngựa - hai đồng!

Ngay lập tức người mua đồ xô đến.

- Nhưng, anh ta nói thêm, tôi bán nó kèm với con gà hai trăm đồng!

Chợ vừa tan, anh ta đến nhà thờ và mua cây nến hai đồng - giá tiền con ngựa!

## Offrande Gabroviennne

Un Gabrovien était gravement malade. Ramassant ses dernières forces, il se prosterna devant l'iconostase et pria:

- Mon Dieu, fais que je guérisse. Je vendrai mon cheval et avec tout l'argent j'achèterai des cierges pour te glorifier.

Or il advint que le Gabrovien recouvra la santé. Bon gré, mal gré, il devait tenir sa promesse. Après avoir longuement réfléchi. Il fourra une poule dans sa besace et amena le cheval au marché.

- Qui veut un cheval pour deux leva! Un cheval-deux leva!

Tout de suite les acheteurs se pressèrent.

- Mais, ajouta-t-il, je le vends avec cette poule qui vaut deux cent leva!

Une fois le marché conclu, il se rendit à églis et acheta un cierge pour deux leva-le prix du cheval.

# Tỏ tình

- Ôi em yêu! Anh rất khó tìm các từ ngữ anh cần để...

- Đẹp các từ ngữ đi anh!... Chẳng thà anh cứ tìm các con số em cần!...

## **Déclaration d'amour**

- Oh! Ma chérie! Il m'est si difficile de trouver les mots qu'il me faudrait...

- Laisse les mots, chéri!... Pourvu que tu trouves les chiffres qu'il me faut!...

# Tự tin

Hai chàng Gabrôvô cãi nhau và đi đến quyết định đấu tay đôi. Để khỏi trở thành trò cười cho tỉnh nhà, hai chàng thoả thuận đi thanh toán cuộc tranh chấp của họ tại một tỉnh khác. Một người mua vé đi và về, trong khi người kia bằng lòng với chỉ một vé đi mà thôi. Người thứ nhất nói với anh ta giọng cay độc:

- Như vậy chứng tỏ mày không dám chắc còn được trở về.
- Trái lại! Tao chắc chắn sẽ trở về, nhưng bằng cái vé của mày!

## Confiance en soi

Deux Gabroviens s'étaient disputés et avaient décidé de se battre en duel. Pour ne pas devenir la risée de la ville, ils convinrent d'aller vider leur querelle dans une autre ville. L'un acheta un billet aller et retour, tandis que l'autre se contenta d'un aller simple. Le premier lui dit, d'un ton mordant:

- Ça prouve que tu n'es pas sûr de revenir.
- Au contraire! Je suis sûr de revenir, mais avec ton billet!

# Ở phòng chữa răng

Một ông Gabrôvô bị đau răng nhức nhối, đến ông nha sĩ. Trước hết ông ta hỏi luôn giá chữa bệnh ra sao.

- Hai đồng để nhổ răng cộng thêm một đồng chi phí điện, vì bây giờ tối rồi. Ông nha sĩ giải thích.

- Được! Thế thì mai tôi quay lại! Bệnh nhân trả lời và đi thẳng.

## Chez le dentiste

Un Gabrovien, atteint d'une rage de dent, va chez le dentiste. Il demande tout d'abord quel est le prix du traitement.

- C'est deux leva pour arracher la dent, plus un lev de frais d'électricité, puisque nous somme le soir. Explique le dentiste.

- Bon! Alors je reviendrai demain matin!

Répond le malade avant de s'en aller.

# Máu người Gabrôvô không biết nói dối

Các bác sĩ trong một bệnh viện Gabrôvô phải sử dụng biện pháp truyền máu để cứu sống một người nước ngoài. Khi đã qua cơn nguy hiểm, người bệnh đền bù hậu hĩ cho người hiến máu Gabrôvô.

Nhưng ông ta lại đổ bệnh và người ta lại phải tiến hành truyền máu cho ông ta lần thứ hai. Lần này, người bệnh bỏ tiền ra rất ít ỏi.

Sau lần truyền máu thứ ba, ông ta chẳng cho gì cả. Tất nhiên rồi, người ta đã truyền máu Gabrôvô cho ông ta nhiều đến thế kia mà!

## **Sang Gabrovien ne saurat mentir**

Les médecins d'un hôpital de Gabrovo doivent recourir à une transfusion sanguine pour sauver la vie d'un étranger. Une fois hors de danger, le malade récompensa largement son donneur de sang gabrovien.

Mais il a rechute et l'on procède à une deuxième transfusion. Cette fois, le malade se montre particulièrement chiche.

Après la troisième transfusion, il ne donne plus rien. Forcément, on lui avait transfusé tant de sang gabrovien!

# Lịch sự kiểu Gabrôvô

Một người nước ngoài đi qua Gabrôvô muốn châm một điếu thuốc trên phố.

- Tại sao lại lãng phí que diêm này? Một người qua đường nói với ông ta, và chìa cho ông ta điếu thuốc đang cháy của mình.

Khi người nước ngoài cảm ơn, người Gabrôvô nói thêm:

- Bây giờ, xin ông trả cho tôi que diêm của tôi.

## Politesse Gabroviennne

Un étranger de passage à Gabrovo veut allumer une cigarette dans la rue.

- Pourquoi gaspiller cette allumette? Lui dit un passant, et il lui tend sa cigarette allumée.

Lorsque l'étranger l'eut remercié, le Gabrovien ajouta:

- Et maintenant, rendez-moi mon allumette.



# Khéo bóng gió

Một người Gabrôvô đi buôn chuyên rẽ thăm một người bạn ở nông thôn. Ngay khi ông ta đánh ngựa vào trong sân, bọn trẻ đã vây quanh ông ta, nóng lòng muốn biết “bác” Gabrôvô mang cho chúng cái gì.

- Trước hết để xem cháu nào nhanh nhất và mang cỏ đến đầu tiên cho ngựa của bác nào, ông bạn Gabrôvô của chúng ta vừa nói vừa vỗ vào túi, nụ cười đầy hứa hẹn trên môi.

Trong nháy mắt bọn trẻ đã đổ đầy cỏ vào máng. Ông “bác” tốt bụng rút trong túi ra một que kẹo và chìa ra cho bọn trẻ với vẻ hào phóng. Sau đó ông ta đi vào trong nhà và ở luôn đó một cách thoải mái, với ý định kéo dài cuộc thăm viếng. Chiều tối, sắp đến bữa ăn, ông ta đứng dậy vui vẻ xoa hai tay, nói với chủ nhà:

- Tôi đi lấy cái bọc của tôi. Đói rồi!

Một lát sau người ta nghe thấy ông ta la hét và chửi rủa một cách giận dữ. Chủ nhà ra sân và thấy ông bạn Gabrôvô của chúng ta đang ngược đãi con vật.

- Tại sao ông lại đánh nó? Bà nhà quê tốt bụng hỏi.

- Đồ súc vật thôi tha này... nó đã đánh hơi cái bọc và ăn hết lương thực ăn đường của tôi rồi. Ông khách tiếp tục quật vào cái yên thô ngựa.

- Thôi để con ngựa đó. Làm gì to chuyện thế! Trong nhà còn thứ để ăn.

Ông Gabrôvô không đáp lại lời mời mà đi theo bà chủ nhà, miệng còn lẩm bẩm:

- Ô! Tôi biết rõ mà. Bà là một người tốt và hào hiệp, bà sẽ cho tôi cả bánh mì và pho-mát để ăn đường nữa. Mà tôi đánh nó chỉ là về nguyên tắc mà thôi. Một con ngựa phải được luyện khi nó còn non.

## **Fine allusion**

Un Gabrovien voyageant pour affaires fit un détour pour visiter un ami villageois. Ausstôt qu'il fit entrer son cheval dans la cour, les enfant l'entourèrent, impatients de savoir ce que l' "oncle" de Gabrovo leur avait apporté.

- Voyons tout d'abord qui de vous sera le plus rapide et apportera le premier du foin à mon cheval, fit notre Gabrovien, tapant sur ses poches, un sourire prometteur aux lèvres.

En un clin d'oei les enfant remplirent la mangeoire. Le bon "oncle" tira une sucette de sa poche et la leur tendit avec un geste de grand seigneur. Puis il entra dans la maison et s'installa confortablement, bien décidé à faire durer sa visite. Vers le soir, alors que l'heure du dîner approchait, il se leva et dit à ses hôtes, en se frottant les mains d'aise:

- Je m'en vais chercher ma besace. Car j'ai une de ces faims!

Un instant plus tard on l'entendit pousser de hauts cris et jurer furieusement. L'hôtesse sortit dans la cour et vit notre Gabrovo houspiller son cheval.

- Mais pourquoi bats-tu cet animal? s'enquit la bonne villageoise.

- Cette sale bête... Il la flairé ma besace et a mangé tout mon viatique, répliqua le visiteur, continuant à frapper le bât du cheval.

- Laisse donc cet animal. La belle affaire! On trouvera à la maison de quoi nous restaurer.

Le Gabrovien ne se fit pas répéter l'invite et suivit l'hôtesse, en marmonnant:

- Oh! Je sais bien. Tu es une bonne et brave femme, et tu me donneras aussi du pain et du fromage pour mon voyage. Mais c'est pour le principe. Un cheval doit être dressé tant qu'il est jeune.

# Đồng bạc ra khói

Một người Gabrôvô nợ người ta một đồng, người này không ngừng thúc nợ anh ta. Mỗi lần chủ nợ đến bám riết anh ta và đòi nợ, anh chàng con nợ của chúng ta lại lảng tránh và mời một điếu thuốc lá. Khi người chủ nợ đến để đòi nợ lần thứ hai mươi, anh chàng Gabrôvô lôi ra một cuốn sổ tay và sau khi tra cứu, anh ta đáp lại một cách trang nghiêm:

- Tôi không nợ anh gì cả! ồng bạc của anh, anh đã đốt nó rồi...

## Un lev fumé

Un Gabrovien devait un lev à un homme qui le harcelait sans cesse. Chaque fois que le créancier venait le relancer et exiger son dû, notre débiteur s'esquivait en lui offrant une cigarette. Lorsque le créancier vint pour la vingtième fois réclamer le paiement de la dette. Le Gabrovien tira son carnet et après l'avoir consulté répliqua dignement:

- Je ne te dois plus rien! Ton lev, tu l'a fumé...

# Mất món hời

Một người đi đường, qua Gabrôvô, vào cửa hàng để mua một vật lưu niệm. Sau khi chọn được hàng mình cần, ông ta trả tiền, không mặc cả, và ra đi.

Người bán hàng, một người Gabrôvô chính gốc, nổi cáu vì không đòi một giá cao hơn, lao ra khỏi cửa hàng và kêu lên:

- Này! Ông kia! Trả hàng tôi!... Tôi không cần tiền của ông!..

## Un bénéfice manqué

Un voyageur, passant par Gabrovo, entre dans une boutique pour acheter un souvenir. Après avoir choisi l'objet qu'il désirait, il paie sans marchander et s'en va.

Le commerçant, un pur Gabrovien, furieux de ne pas avoir demandé un prix supérieur, s'élance hors de la boutique en criant:

- Eh! Là-bas! Rends-moi ma marchandise!... Je ne veux pas de ton argent!...

# Bực mình là phải

Một người cần dùng một cái rìu để sửa chữa cửa. Ông ta sai con trai sang người hàng xóm để xin ông ta cho mượn dụng cụ. Cậu bé trở về tay không, ông hàng xóm nói dối là không có rìu.

- Ta không hề có ý bực xỉn trong chuyện này! Ông ta nói, vô cùng tức giận. Nào, đi tìm cái rìu của nhà ở dưới hầm lên đây!

## **Légitime indignation**

Un Gabrovien avait besoin d'une herminette pour réparer sa porte. Il envoie son fils chez le voisin pour lui demander de prêter son instrument. L'enfant revient les mains vides, le voisin ayant menti qu'il ne possédait pas d'herminette.

- On n'a pas idée d'être pingre à ce point! fit notre homme, profondément indigné. Tiens, va chercher la nôtre dans la cave!

# Thời gian là tiền bạc

Một người Gabrôvô áp khi có người hỏi giờ:

- Bây giờ là mười giờ... hai mươi bốn xu!

**Le temps, c'est de l'argent**

Un Gabovien, à qui on demande l'heure:

- Il est dix heures... et vingt-quatre centimes.

# Món đồ hạ giá

Một người Gabrôvô muốn dựng một tấm bia trên mộ bà mẹ vợ.

- Ông có cái nào thật đẹp, mà giá lại không đắt không?
- Chúng tôi có một cái rất đẹp, nhưng, tiếc quá, một cái tên khác đã được khắc trên đó rồi.
- Không quan trọng. Người đàn bà tội nghiệp ấy không biết đọc.

## Une occasion

Un Gabrovien voulait ériger une stèle funéraire sur la tombe de sa bellemère.

- Avez-vous quelque chose de très beau, mais pas cher?
- Nous avons une très belle pièce, mais, hélas, un autre nom y est déjà gravé.
- Aucune importance. La pauvre femme ne savait pas lire!

# Cùng một cỡ

Tại một hiệu may ở Gabrôvô:

- Ông đo cho tôi một bộ quần áo. Nhưng lấy số đo của thằng bé con tôi đây.
- Sao lại thế?
- Vì sau tôi chính nó mặc bộ quần áo ấy.

## Comme mesure

Chez un tailleur de Gabrovo:

- Prenez-donc mes mesures pour un costume. Mais prenez aussi celles de mon fils.
- Pourquoi donc?
- Mais parce que c'est lui qui le portera après moi!



# Thành thực trong buôn bán

Một người Gabôvô đặt một cái sạp trước một ngân hàng. Anh ta bán ngô luộc. Ngô ngon ngọt và bán hàng ở mảnh đất đó khá đông khách: Ít lâu sau anh ta gom được món tiền khá lớn. Một hôm, một người bạn đến xin anh ta cho vay ít tiền.

- Tôi rất khổ tâm vì không thể giúp anh một việc cón con đó, anh bạn Gabrôvô của chúng ta giải thích cho người kia. Anh thấy đây, tôi bị ràng buộc bởi một thoả thuận với ngân hàng. Khi tôi mở sạp hàng, tôi đã phải cam kết không bao giờ cho vay tiền, với điều kiện ngân hàng không được bán ngô.

## **Probité commerciale**

Un Gabrovien avait établi son étal devant une banque. Il vendait du maïs bouilli. La marchandise était succulente et le coin bien achalandé: en peu de temps il amassa une somme assez rondelette. Un de ses amis vint un jour le prier de lui prêter un peu d'argent.

- Je suis navré de ne pouvoir te rendre ce petit service, lui expliqua notre Gabrovien. Mais vois-tu je suis lié par mon contrat avec la banque. Lorsque j'ai dressé mon éventaire, je me suis engagé à ne jamais prêter de l'argent, moyennant quoi la banque s'est obligée à ne pas vendre du maïs.

# Suy diễn có lý

-Cậu biết không! Tớ đã để lại vài chữ cho Totu để nói với hấn rằng tớ sẽ qua thăm hấn vào trưa nay. Thế mà, chẳng có ai ở nhà cả!

- Vậy là hấn đã đọc mảnh giấy của cậu rồi.

## Déduction logique

- Tu te rends compte! J'ai laissé un petit mot à Totu pour lui dire que je passerai le voir vers midi. Et bien, il n'y avait personne!

- C'est donc qu'il a lu ton billet.

# Chẳng có gì to chuyện

Ba người bạn vào một tiệm ăn. Trong khi hai người đi rửa tay, người thứ ba, một dân Gabrôvô chính cống, vội vã chiếm lấy bảng món ăn và gạch bỏ những món đắt nhất. Khi người chủ khách sạn sững sờ nhìn anh ta xoá thực đơn, anh ta cười rất tươi và nói:

- Tôi là người phải trả tiền mà...

## **N'exagérons rien**

Trois amis entrent dans un restaurant. Pendant que deux d'entre eux vont au lavabos, le troisième, un Gabrovien pur sang, s'empare fébrilement de la carte et raye les plats les plus chers. Au maître d'hôtel interloqué qui le garde raturer le menu, il dit avec un bon sourire:

- C'est moi qui dois payer...

# Đãi khách kiểu Gabrôvô

Một người Gabrôvô tình cờ gặp một trong những người bạn thân nhất của mình. Nào ôm hôn, nào thổ lộ, sau đó đi thăm từng ngõ ngách của thành phố, những nơi mà ông bạn Gabrôvô của chúng ta thao thao bất tuyệt về sự hấp dẫn của chúng. Khi đi qua một quán ăn khá tồi tàn, anh ta quay sang bạn, nói tỉnh bơ:

- Đây là quán ăn rẻ nhất trong thành phố. Cậu có thể chén ở đây, còn tớ phải nhảy về tận nhà!...

## Hospitalité Gabroviennne

Un Gabrovien rencontre par hasard un de ses meilleurs camarades de régiment. Embrassades, effusion, puis visite détaillée de la ville, dont notre Gabrovien ne cesse de vanter les attraits. Passant devant une gargote d'assez mauvaise mine, il jette à son ami, d'un ton négligent:

- C'est là qu'on mange le moins cher dans toute la ville. Tu pourrais peut être y casser la croûte, tandis que je fais un saut jusqu'à chez moi!...

# Chẳng mất gì

-Cậu làm gì đứng như trời trồng trên phố, giữa lúc giá rét thế này?

- Rủi quá! Mình đánh rơi chai rượu và nó vỡ tan thành hàng ngàn mảnh. Vậy là mình phải chờ cho rượu đóng băng để mang nó về nhà.

**Rien de se perd...**

- Qu'as-tu donc à rester planté dans la rue, par ce froid?

- Quel malheure! J'ai laissé tomber une bouteille d'eau de vie et elle s'est cassée en mille morceaux. Alors j'attends que l'eau de vie gèle pour la rapporter à la maison!

# Một người lười

-Bố ơi! Tại sao ông thuê nhà ta ngày nào cũng ăn thịt?

- Bởi vì ông ta lười quá, không chịu trồng cà chua! Ông bố trả lời với một giọng đầy truyền cảm.

## Un feignant

- Dis-donc, papa! Pourquoi notre locataire mange-t-il tous les jours de la viande?

- Parce qu'il est trop paresseux pour planter des tomates! Répond le père d'un ton édifiant.

# Nhìn xa

Ở cửa hàng vải. Một người Gabrôvô xem tỉ mỉ một tấm vải để may quần áo.

- Xin lỗi, thưa ông, người bán hàng để ý.

Ông đang xem mặt trái tấm vải.

- Tôi biết chứ. Đó là để xem mười năm sau tôi mặc nó sẽ thế nào.

## Prévoyance

Chez le drapier. Un Gabrovien examine méticuleusement une pièce de tissu pour un costume.

- Permettre moi, Monsieur, fait observer le vendeur. Mais vous examinez l'envers du tissu.

- Je le sais bien. C'est pour voir comment il m'ira dans une dizaine d'années!

# Kiện hàng có tính cước

Một người Gabrôvô đến Sofia. Trên sân ga tàu điện, ông ta kéo ì ạch một kiện hàng to tướng bọc vải bạt. Người bán vé đến gần:

- Người ba đồng, hàng sáu đồng.

Ông bạn Gabrôvô của chúng ta thúc khuỷu tay vào kiện hàng:

- Này! Pensô! Chui ra đi. Nếu là “hàng”, mày phải trả đắt hơn đây!

## Le colis payant

Un Gabrovien arrive à Sofia. Sur la plate-forme du tramway il hisse à grand peine un énorme colis enveloppé d'une bâche. Le receveur s'approche:

- C'est trois leva pour vous, et six pour le colis.

Notre Gabrovien pousse du coude le colis:

- Eh! Pentcho! Sors de là. Comme “colis” tu paies plus cher!



# Celsius<sup>[1]</sup> chưa nghĩ đến

- Trong nhà nhiệt kế chỉ bao nhiêu? Một ông Gabrôvô hỏi vợ.

- Mười lăm độ, bà vợ trả lời.

- Thế bên ngoài?

- Hai mươi độ.

- Thế thì mở cửa sổ ra cho năm độ kia vào!

Ông ta ra lệnh một cách kiên quyết.

[1] Celsius: Nhà khoa học đề xuất ra cách chia thang độ nhiệt.

## Celsius n'y aurait pas pensé

- Combien de degrés indique le thermomètre dans la chambre? demande un Gabrovien à son épouse.

- Quinze degrés, dit la femme.

- Et dehors?

- Vingt degrés.

- Alors ouvre la fenêtre pour faire entrer les autres cinq! ordonne-t-il péremptoirement.

# Ruồi đứng gác

- Tôi nghĩ cô giúp việc ăn vụng đường.
- Tôi ấy à, tôi rất yên chí. Cô này không thể ăn vụng được.
- Làm sao mà anh có thể dám chắc thế được?
- Rất đơn giản. Tôi luôn luôn nhốt một con ruồi trong lọ đường. Nếu nó không có ở đây, có nghĩa là ai đó đã đụng vào đường.

## Mouche gardienne

- Je soupçonne ma bonne de voler du sucre.
- Moi, je suis bien tranquille. Elle ne peut rien voler.
- Comment peux-tu en être si sûr?
- C'est bien simple. Je garde une mouche en permanence dans le sucrier. Si elle s'y trouve pas, c'est que quelqu'un a touché au sucre!

# Ở tiệm ăn

-C Chú bé, cho tôi món sườn rán!

- Rất vui lòng, thưa ông!

- Rất vui lòng hay không đối với ta cũng vậy thôi. Nhưng phải rất nhiều mỡ vào đây!

## **Au restaurant**

- Garçon, apportez-moi une côtelette!

- Avec plaisir, Monsieur!

- Avec ou sans plaisir, ça m'est bien égal. Mais avec beaucoup de frites, par contre!

# Thích nhất

-Thôi tôi xin ông! Đừng vất vả tiền tôi nữa.

- Trái lại, ông chủ nhà người Gabrôvô trả lời khách một cách nhã nhặn. Không có gì làm tôi thích hơn thế!

## Tout le plaisir

- Mais je vous en pris! Ne prenez donc pas la peine de me reconduire.

- Mais bien au contraire, répond courtoisement le maître de maison gabrovien à visiteur. Rien ne me fait plus de plaisir!

# Ánh sáng của trời

Một linh mục địa phận Gabrôvô tiếp một số bạn bè. Họ đang nói về điện. Một người trong số khách thăm ngạc nhiên thấy người của chúa thắp sáng bằng nến.

- Phải đấy, con ạ. Cha biết rõ là điện rất rẻ. Nhưng đối với cha, con thấy đó, nến còn rẻ hơn! Của trời cho mà!

## Lumière céleste

Un pope de Gabrovo recevait quelque amis. On en vint à parler de l'électricité. Un des visiteurs s'étonna de voir que le saint homme s'éclairait à la chandelle.

- Oui, mon fils. Je sais bien que l'électricité est très bon marché. Mais pour moi, vois-tu, ces cierges me reviennent encore moins cher! C'est un don du Ciel!

# Hơi quá đáng đấy!

Trên ô tô buýt, một ông Gabrôvô cõng trên lưng một cái va li to tướng. Ông ta cúi kính vãng ra một câu với người bán vé định tính cước hàng hoá:

- Chính tôi mang hàng, đúng không nào? Đâu phải ô tô!

## Il y a de l'abus!

Dans l'autobus un Gabrovien porte une énorme valise sur le dos. Au receveur qui prétend taxer son bagage, il jette d'un ton indigné:

- C'est moi qui le porte, non? C'est pas l'autobus!

# Sòng phẳng thì dễ sống

Một người Gabrôvô trong cơn tuyệt vọng, quyết định huỷ hoại đời mình bằng cách tự treo cổ. Nhưng một trong những người hầu kịp thời trông thấy và cắt sợi dây.

Cuối tháng, ông chủ không quên khấu trừ vào lương của anh nợ khoản tiền cái dây bị đứt.

## **Bons comptes, bons amis**

Un Gabrovien, dans un accès de désespoir, résolut d'attenter à ses jours en se pendant. Mais un de ses valets le vit à temps et coupa la corde.

A la fin du mois, le maître n'oublia pas de retenir sur les gages du valet la valeur de la corde endommagée.

# Nhận xét chí lý

Một chàng trai quyết định lao vào con đường buôn bán, tìm đến cha Minio, một thương gia giàu có để hỏi vay tiền. Ông già biết rõ gia đình chàng nên bằng lòng cho vay số tiền yêu cầu. Quá vui mừng, chàng trai rút tiền vào túi rồi châm một điếu thuốc bằng một que diêm trong hộp vẫn mang theo người. Người cho vay lão già nhìn anh ta làm như vậy mà không phải là đã không nhìn hồi lâu cái lò sưởi đầy củi đang cháy bên chân. Ông ta nói với người khách trẻ của mình:

- Để ta xem lại một chút số tiền ta đưa anh. Có thể ta đếm nhầm tờ chẳng!

Chàng trai đưa bó tiền, ông cho vay lão rút nhanh vào túi và nói:

- Bố cháu là một người cừ khôi, còn cháu, không có khiếu về buôn bán đâu!

## **Juste appréciation**

Un jeune homme, ayant résolu de se lancer dans le commerce, alla trouver le père Minio, richissime négociant, pour lui demander un emprunt. Le vieux connaissait bien la famille du jeune homme, aussi consentit-il à prêter la somme demandée. Tout joyeux, le jeune homme empocha l'argent, puis alluma sa cigarette avec une allumette prise dans la boîte qu'il portait sur lui. Le vieil usurier le regarda faire, non sans avoir jeté un long regard sur le brasero plein de tisons qui brûlait à ses pieds. Il dit à son jeune client:

- Fais voir un peu l'argent que je t'ai donné. Il se peut que je me sois trompé en comptant les billets!

Le jeune homme lui tendit la liasse que le usurier rempocha avidement, en disant:

- Ton père était un bien brave homme, mon fils, mais toi, tu n'es vraiment pas doué pour le commerce.



# Không lãng phí

-Bác có một tấm ảnh của hai cháu sinh đôi của bác không?

- Có, đây này!

- Nhưng sao chỉ có một đứa!

- Ồ, anh biết đấy! Chúng nó giống nhau lắm mà.

## **Pas de gaspillage**

- As-tu un portrait de tes petits jumeaux?

- Oui. Regarde-le!

- Mais il n'y en a qu'un!

- Oh! Tu sais! Ils se ressemblent tellement!...

# Hàng hạ giá

Một họa sĩ đưa bức tranh cho ông chủ một hiệu vải lớn người Gabrôvô xem. Ông này hỏi mua với giá 50 đồng.

- Năm mươi đồng? Họa sĩ nói, vẽ tức giận. Chỉ riêng tấm vải tôi mua của ông, ông đã lấy giá hai lần thế!

- Cũng có thể, ông bạn Gabrôvô của chúng ta lạnh lùng giải thích, nhưng lúc đó nó sạch bong!

## Soldes

Un artiste peintre montre un tableau à un gros drapier gabrovien. Ce lui-ci en propose cinquante leva.

- Cinquante leva? Fait l'artiste, indigné. Mais rien que la toile, que j'ai achetée chez vous, m'a coûté le double!

- Peut-être, réplique froidement notre

Gabrovien, mais alors elle était toute propre!

# Tính thêm

Chú bồi bàn bảo với viên quản lý nhà hàng:

- Có vị khách phàn nàn có một con ốc sên trong đĩa thịt.
- Tính thêm cho ông ta tiền con ốc sên!

## Addition

Le garçon, au gérant du restaurant:

- Il y a un client qui se plaint d'avoir trouvé un petit escargot dans son ragoût.
- Porte-le lui sur l'addition!

# Hào phóng

Đôi vợ chồng người Gabrôvô có khách đến thăm. Sau khi đã nói hết mọi chuyện, bà chủ nói với chồng:

- Có lẽ ta phải mời các vị khách của chúng ta chút gì đó mát một chút?
- Tất nhiên rồi! Ông bạn Gabrôvô của chúng ta trả lời. Và ông ta đi mở cửa sổ...

## Largesses

Ce couple gabrovien avait des visites. Après avoir épuisé tous les sujets de conversation, la maîtresse de maison dit à son mari:

- On pourrait peut-être proposer quelque chose rafraîchissant à nos hôtes?
- Mais bien sur! Répond notre Gabrovien. Et il va ouvrir la fenêtre...

# Một mặt trăng rẻ hơn

- Bố ơi, cho con một đồng để con xem mặt trăng trong kính viễn vọng.
- Chờ chút đã, con ạ. Hai tuần nữa có trăng tròn, lúc đó con xem được nhiều hơn mà giá cũng bấy nhiêu.

## Une lune moins cher

- Papa, donne-moi un lev pour que je voie la Lune dans le télescope.
- Attends encore un peu, fiston. Dans deux semaines il y aura plein lune, et alors tu verras beaucoup plus pour le même prix.

# Cái đinh

Một người Gabrôvô mua nửa cân dầu ô-liu. Người bán hàng thực phẩm khô lén đặt một cái đinh to vào cân. Ông khách lấy bịch dầu và bỏ túi cái đinh:

- Tôi đã trả tiền đinh, vậy tôi đem đi.

## **Des clous!**

Un Gabrovien achète une livre d'olives. Subrepticement l'épicier met un gros clou dans la balance. Le client prend le sac d'olives, puis empoche le clou:

- Je l'ai payé. Alors je l'emporte!

# Liên tưởng

-Cậu biết không, một người Gabrôvô nói với bạn. Mỗi lần trông thấy cậu tớ lại nghĩ đến Totiu!

- Thế à, sao vậy?

- Vì hắn cũng nợ tớ hai mươi đồng!

## Association

- Tu sais, dit un Gabrovien à un de ses amis. Chaque fois que je te vois, je pense à notre ami Totiu!

- Tiens! Pourquoi?

- Parce que lui aussi me doit vingt leva!

# Sòng phẳng thì dễ sống

Một người Gabrôvô thuê hai cậu bé để hái anh đào trong vườn quả của ông ta. Đến chiều, ông ta trả công một cậu ít hơn cậu kia.

- Tại sao ông không trả hết tiền cho tôi?

Cậu ta hỏi về không bằng lòng.

- Bởi vì anh bạn của cậu vừa làm vừa luôn luôn huýt sáo, còn cậu, cậu cứ im thin thít, miệng thì đầy.

## **Les bon comptes font les bon amis**

Un Gabrovien loue les services de deux garçon pour cueillir les cerises de son verger. Le soir, il paye un des garçon moins que l'autre.

- Pourquoi que vous ne donnez pas tout mon argent? Demande le jeune gars, mécontent.

- Parce que ton petit copain en travaillant sifflait tout le temps, tandis que toi, tu te taisais, la bouche pleine.



# Cách làm chắc chắn

-Bán cho tôi năm quả trứng của con gà đen.

- Nếu ông có thể phân biệt được thì mời ông chọn đi!

Và ông bạn của chúng ta chọn những quả trứng to nhất.

## **Un moyen ifnaillible**

- Donnez-moi cinq œufs de poule noire, dit un Gabrovien à la vendeuse.

- Si vous pouvez les reconnaître, choisissez, monsieur!

Et notre homme choisit les plus gros.

# Chỉ nhìn thấy ít thôi

Ông Gabrôvô cho vay lãi này bằng lòng cho vay tiền, nhưng với lãi suất 9%. Một khách hàng tức giận, không nén được kêu lên:

- Những chín phần trăm! Thật lạ lùng! Ông không hổ thẹn với Chúa à, Chúa nhìn thấy tất cả.

- Chúa à?... Ông Gabrôvô của chúng ta nói, nháy mắt một cách gian xảo. Từ tí trên cao, Chúa sẽ nhìn “9 ” thành “6”!

## Il n'y verra que de peu

Cet usurier gabrovien consentait des prêts d'argent, mais à un taux d'intérêts de 9%. Un client, indigné, ne put s'empêcher de s'écrier:

- Neuf pour cent! Mais c'est inouï! N'as-tu pas honte de Dieu qui voit toutes choses!

- Dieu?... fit notre Gabrovien, avec un clin d'oeil malicieux. De la haut, il verra le “9” comme un “6”!

# Khoản tiết kiệm bất ngờ

Một ông Gabrôvô sửa mái nhà, trượt chân và ngã. Khi rơi qua cửa sổ gian bếp, anh ta kêu lên:

- Mình ơi! Hôm nay bớt đi một suất nhé!

## **Une économie inespérée**

Un Gabrovien répare sa toiture, glisse et tombe. Passant devant la fenêtre de la cuisine, il crie:

- Femme! aujourd'hui. Une portion de moins!

# Một con nợ

Hai người Gabrôvô đứng hóng mát và thấy một nhà triệu phú nổi tiếng trong thành phố đang đi đến.

- Anh thấy chưa, cái ông kia kìa? Anh thứ nhất nói. Ông ấy lấy của tôi mấy triệu đồng.

- Thế là sao? Bạn anh ta hỏi.

- Ông ấy từ chối gả con gái cho tôi.

## Un débiteur

Deux Gabroviens prennent l'air et voient venir un richard que toute la ville connaît.

- Tu le vois, ce-lui-là? dit le premier Gabrovien. Il m'a eu plusieurs millions!

- Comment ça? lui demande son ami.

- Il m'a refusé la main de sa fille.

# Thiên hướng

Con một ông Gabrôvô muốn học nghề y, và hỏi ý kiến bố.

- Con ạ, con hoàn toàn ngớ ngẩn. Ở địa vị con, bố sẽ trở thành nha sĩ. Một người chỉ có một trái tim, nhưng lại có ba mươi hai cái răng.

## Vocation

Le fils d'un Gabrovien voulait faire des études de médecine et demanda conseil à son père.

- Tu es complètement idiot, mon fils, lui répondit sentencieusement celui-ci. A ta place, je deviendrais dentiste. Un homme n'a qu'un cœur, mais trente-deux dents.

# Vụ làm ăn lố

-Trời ơi! Thằng bé vừa nuốt phải đồng tiền! Chạy đi tìm bác sĩ!

- Khỏi cần! Bác sĩ sẽ lấy hai đồng công khám mà ta chỉ lấy ra được có một đồng!

## Mauvaise affaire

- Mon Dieu! l'enfant vient d'avaler une pièce d'un lev! Cours chercher le docteur!

- C'est pas la peine! Le docteur prendra deux leva pour la visite et on n'en récupérera qu'un seul!

# Ở khách sạn

Một người Gabrôvô xuống khách sạn và hỏi giá tiền trọ đêm:

- Tầng một mười đồng, tầng hai tám đồng, tầng ba sáu đồng, tầng bốn bốn đồng.

- Cảm ơn! Ông Gabrôvô nói và bỏ đi. Chủ khách sạn muốn giữ khách liền bảo ông ta:

- Tuy vậy, giá của chúng tôi không cao đâu.

- Không phải thế, ông Gabrôvô nói, chính là khách sạn của ông không đủ... cao.

## à l'hôtel

Un Gabrovien descend à l'hôtel et s'enquiert du prix de la nuit:

- Au premier étage dix leva, au second huit leva, au troisième six leva et au quatrième quatre leva.

- Merci! dit le Gabrovien et il s'en va. L'hôtelier voulant le retenir lui dit:

- Pourtant, nos prix ne sont pas élevés.

- Non, dit le Gabrovien, c'est votre hôtel qui ne l'est pas assez...

# Căn hộ lý tưởng

Một người Gabrôvô muốn mua một căn hộ. Kiến trúc sư hỏi ông ta muốn như thế nào.

- Một căn hộ đủ lớn để vợ tôi ở được và không ở lì nhà mẹ đẻ, nhưng cũng không lớn đến mức để mẹ vợ tôi có thể ở đấy được!

## **L'appartement idéal**

Un Gabrovien décide d'acheter un appartement. L'architecte lui demande ce qu'il désire.

- Un appartement qui soit suffisamment grand pour occuper ma femme et qu'elle n'aille pas traîner chez sa mère, mais pas tellement grand pour que ma belle-mère puisse s'y installer.



# Tiến thoái lưỡng nan

Ngày mai có một bữa tiệc lớn. Tôi tự hỏi có cần phải đến đó hay không.

- Ai chiêu đãi bữa tiệc đó?

- Tôi...

## Dileme

- Demain, il y aura un grand banquet. Je me demande si je dois y aller ou non.

- Qui donne ce banquet?

- Moi...

# Biên bản

Một người gác đồng muốn lập biên bản một ông Gabrôvô phạm lỗi. Để dàn xếp vụ này, ông Gabrôvô mời người nọ một bữa tối.

Chiều tối, ông gác đồng đến, ngồi vào bàn ăn và hai người cạn hết ly này đến ly khác. Vào khoảng nửa đêm, ông Gabrôvô bảo ông khách mời:

- Này ông, lần sau, tốt hơn hết ông cứ lập biên bản cho tôi...

## Procès-verbal

Un garde champêtre veut dresser un procès-verbal à un Gabrovien pris en faute. Pour arranger l'affaire, celui-ci l'invite à dîner.

Le soir, le garde champêtre vient, s'attable et les deux compères vident verre après verre. Aux environs de minuit le Gabrovien dit à son invité:

- Ecoute, la prochaine fois, il vaudrait mieux que tu me dresses un procès verbal...

# Trên bàn mổ

Khi thấy người ta đưa mình đến bàn mổ, ông Gabrôvô rút ví ra vội vã đếm tiền. Ông bác sĩ ngăn lại:

- Không việc gì phải vội, ông sẽ trả tiền sau khi mổ.
- Ô! Không. Không phải thế. Tôi chỉ muốn biết chính xác số tiền trên người tôi trước khi bác sĩ gây mê cho tôi.

## Sur la table d'opération

Alors qu'on l'emmène vers la table d'opération, un Gabrovien sort son portefeuille et compte fébrilement son argent. Le médecin intervient:

- Mais rien ne presse; vous paierez après l'opération.
- Oh! Non. Ce n'est pas ça. Je voulais simplement savoir, avant que vous m'endormiez, la somme exacte que j'ai sur moi!

# Hỏi luôn một thể

Một ông Gabrôvô đi khám bệnh, có một bạn đi cùng. Khi trở ra, người bạn hỏi anh ta:

- Tại sao anh nói với bác sĩ rằng anh bị bệnh tim và đau dạ dày, trong khi anh chỉ bị nhức đầu?
- Vợ tôi bị bệnh tim, con gái tôi bị đau dạ dày. Tôi không phải là thằng điên để trả tiền ba lần hỏi bệnh, trong khi có thể chỉ trả một lần.

## Consultation collective

Un Gabrovien va consulter un médecin, accompagné d'un ami. En sortant son ami lui demande:

- Pourquoi as-tu dit au médecin que tu avais des palpitations et des maux d'estomac, alors que tu ne te plains que de migraines?
- Ma femme a des palpitations ma fille des maux d'estomac. Alors je ne pas fou de payer le prix de trois consultations, quand je peux n'en payer qu'une seule!

# Hôn nhân của lý trí

-C Có đúng là bà đã gả con gái cho anh chàng thủ quỹ của bà không?

- Phải.

- Tuy vậy, nhưng tôi nghĩ bà không hề tin cậy anh ta!

- Đúng như vậy, tôi chỉ nghĩ rằng: nó lấy cắp của tôi, nhưng tiền sẽ không ra khỏi gia đình!

## **Mariage de raison**

- C'est donc vrai que tu as marié ta fille à ton caissier?

- Oui.

- Pourtant, je croyais que tu n'avais pas confiance en lui!

- C'est vrai, seulement j'ai pensé: il me volera, mais l'argent ne sortira pas de la famille!

# Phao cấp cứu

Một chàng Gabrôvô cùng bạn đi thuyền trên sông Đa-nuýp.

- Anh cho tôi mượn bộ quần áo của anh, người bạn nói.
- Để làm gì? Anh đã có một bộ rồi! Anh chàng Gabôvô bẻ lại.
- Đã đành, nhưng tôi không biết bơi. Nếu chẳng may tôi ngã xuống nước với bộ quần áo của anh, anh sẽ nhảy xuống cứu bộ quần áo...

## Bouée de sauvetage

Un Gabrovien et son ami naviguent sur le Danuble.

- Prête-moi ton costume, dit l'ami.
- Pourquoi faire? T'en as un! réplique le Gabrovien.
- Oui, je ne sais pas nager. Alors si jamais je tombe à l'eau avec ton costume. Tu te jetteras pour le sauver...

# Ai láu cá hơn ai

Một thương nhân Gabrôvô đặt nổi bật trong quầy kính một tờ thông báo do chính ông ta soạn thảo với nét chữ vụng về và bài viết thì rải rác những lỗi câu. Các bạn đi qua và góp ý với ông ta.

- Tôi biết việc tôi làm, lão đáp lại. Khách hàng không cần phải biết tôi láu cá hơn họ!

## A malin, malin et demi

Un commerçant de Gabrovo avait placé évidence dans sa vitrine un placard publicitaire qu'il avait lui - même rédigé d'une écriture malhabile et dont le texte était parsemé d'entorses à la syntaxe. Des amis vinrent à passer et lui en firent la remarque.

- Je sais ce que je fais, répliqua le compère. Les clients n'ont pas besoin de savoir que je suis plus malin qu'eux!

# Phạt

-Ô ng hàng xóm. Chó của ông lại ăn một con gà của tôi rồi.

- Giỏi thật! Hôm nay nó sẽ nhin món pa-tê!

## Punition

- Voisin, votre chien a encore mangé une de mes poules!

- Parfait! Il n'aura pas sa pâtée au jourd'hui.



# Thỏa thuận ngầm

Một vị khách trong quán rượu Gabrôvô nói với chủ quán:

- Tôi cam đoan, anh đã pha nước vào rượu!
- Khẽ chứ! Chủ quán nói, nước, không phải trả tiền!

## **Accord tacite**

Un client d'un cabaret de Gabrovo dit au tenancier:

- Ma parole, mais tu mouilles ton vin!
- Plus bas! dit l'aubergiste, l'eau, c'est gratuit!

# Tái bút

"Chú thân yêu của cháu, cháu xin lỗi vì không thể ra ga được. Cháu sẽ bảo vợ cháu ra đây. Để vợ cháu có thể nhận ra chú, xin chú mang bên tay trái một con lợn sữa hoặc một con ngỗng..."

## Post-scriptum

"Mon cher oncle, je m'excuse de ne pouvoir venir à la gare, J'y enverrai ma femme. Pour qu'elle te connaisse, porte sous le bras gauche un cochon de lait ou une oie..."

# Ông chủ sẽ hài lòng

Buổi sáng, ông chủ xưởng thủ công hỏi đám thợ học việc:

- Máy giờ thì đốc công gọi chúng mày dậy?
- Chúng tôi không biết ạ! ám thợ trả lời.

Nhưng bóng đèn vẫn còn nóng ạ!

## **Maître sera content**

Le matin, le maître-artisan demande aux apprentis:

- A quele heure le contre- maître vous a réveillés?
- On sait pas! Répondent les apprentis.

Mais le verre de la lamp était encore chaud!

# Lời hứa tranh cử

Một ứng cử viên dưới chế độ cũ nói trước các cử tri Gabrôvô:

-... và chúng tôi sẽ bãi bỏ thuế muối. Lúc đó mọi người có thể cho muối vào thức ăn bằng thìa thôi!

## **Promesse électorale**

Un agent électoral sous le l'ancien régime parle devant les électeurs gabrovien:

-... et nous supprimerons la gabelle. Alors chacun pourra saler sa nourriture tant qu'il veut!

# Lời khuyên hay

-Người láng giềng hỏi vay tôi một trăm đồng. Anh xem liệu tôi có thể tin anh ta được không?

- Dĩ nhiên rồi! Chẳng qua cũng như anh giúp tôi! Nói cách khác, hăn có thể gặp tôi.

## **Un bon conseil**

- Le voisin me demande cent leva. Tu crois que je peux lui confiance?

- Evidement! C'est tout comme si tu me rendais service! Autrement, il pourrait peut-être s'adresser à moi!

# Giá trị của lao động

Một người thợ thủ công Gabrôvô bán ở chợ những cái bát tô bằng gỗ. Một vị khách sang trọng đến gần quầy hàng, xem xét, cầm một chiếc tô lên và hỏi giá.

- Này tôi bảo! Anh tưởng hàng của anh bằng vàng đấy hử! Ông khách kêu lên khi nghe giá tiền người ta đòi.

Người Gabrôvô nhìn ông khách từ đầu đến chân và đáp:

- Nghe kỹ tôi nói đây: rừng là của chung thiên hạ, ông cứ đến đấy mà tự làm lấy những cái tô cho mình đi!

## **Le prix du travail**

Un artisan de Gabrovo vend au marché des écuelles en bois. Un gross bonnet s'approche de l'étalage, regarde, prend une écuelle et en demande le prix.

- Ma parole! Tu crois peut-être que ta marchandise est en or! s'exclame l'homme en entendant le prix qu' on lui demande.

Le Gabrovien le toise d'un regard hautain et réplique:

- Ecoute-moi bien: la forêt est à tout le mond, t'as qu'à y aller et faire tes écuelles toi-même!

# Trong xe khách

Một ông Gabrôvô lên xe khách đem theo thằng con.

- Trẻ con giá vé bao nhiêu? Ông ta hỏi.
- Cháu bé mấy tuổi? Người thu tiền hỏi.
- Năm tuổi.
- Thế thì không phải trả tiền vé.
- Kể cả khi nó chiếm một chỗ chứ? Ông Gabrôvô nhấn mạnh một cách đáng ngờ.
- Phải.
- Thế thì nếu tôi đặt nó trên đùi, anh trả tôi bao nhiêu? Ông bố hỏi.

## Dans l'autobus

Un Gabrovien prend l'autobus avec son fils.

- Pour l'enfant, c'est combien? demande-t-il.
- Quel âge a-t-il? s'informe le receveur.
- Cinq ans.
- Alors, il ne paye pas encore.
- Même s'il occupe une place? insiste le Gabrovien méfiant.
- Oui.

- Et si je le prends sur le genoux, vous me donnez combien? demande alors le père.



# Tiết kiệm

Một người Gabrôvô xuống xe lửa và hỏi người đánh xe ngựa:

- Về thành phố, bao nhiêu?
- Hai đồng! Lên đi!
- Không, cám ơn! Tôi chỉ muốn biết mình tiết kiệm được bao nhiêu!

## Économie

Un Gabrovien descend du train et demande au crocher:

- C'est combien jusqu'à la ville?
- Deux leva la course! Montez!
- Non merci! Je voulais seulement savoir combien j'économiserai!

# Tiếp từng người theo thứ hạng của họ

Những người Gabrôvô phân biệt chất lượng cà phê thành ba cấp: cà phê nguyên chất là P, cà phê lép là C, bã cà phê là M, để người ta tiếp khách tùy theo địa vị xã hội.

Một hôm, một bà tiếp các bạn. Vài bà đội mũ, vài bà đầu trần, mấy bà thân thuộc nghèo thì búi tóc trùm khăn. Sau những chào hỏi thường lệ, người ta sửa soạn pha cà phê và cô hầu gái hỏi: “Thưa bà, P hay C hay M ạ?”

- Cô bé, pha cho ta một bình trộn thật nhiều M, một ít C và tí chút P! Bà chủ nhà trả lời.

## **A chacun selon son rang**

Les Gabroviens distinguent trois qualités de café: café pur-P, café-chicorée-C et marc de café-M, que l'on sert selon la situation sociale des invités.

Un jour, une dame reçoit des amis. Les unes portent chapeaux, d'autres sont nu-tête, les parentes pauvres serrent leurs chignons sous le fichus. Après les amabilités d'usage, on s'apprête à servir le café et la bonne demande: “P, C ou M, madame?”

- Faites-moi donc un mélange extra M, ma petite, avec un peu de C et un soupçon de P! répond la maîtresse de céans.

# Nhận lỗi

Một cậu bé Gabrôvô bỏ học. Hôm sau, thầy giáo hỏi có chuyện gì xảy ra với cậu.

- Thưa thầy, mẹ em giặt quần đùi của em, cho nên..., cậu bé nói.

Vài ngày sau cậu bé lại bỏ học lần nữa. Lần này thầy giáo mắng cho một trận nên thân.

- Thưa thầy, đáng lẽ em đến lớp, chỉ vì khi đi ngang qua nhà thầy, em thấy quần của thầy phơi trong sân... thế là em tưởng thầy không đến lớp!

## L'excuse

Un garçon de Gabrovo manque l'école. Le lendemain, l'instituteur lui demande ce qu'il lui est arrivé.

- Ben, maman a lessivé mes culottes, alors..., dit l'enfant.

Quelques jours plus tard, l'enfant manque de nouveau l'école. Cette fois l'instituteur le réprimande sévèrement.

- Je serais venu, M'sieur l'instituteur, seulement en passant devant chez vous j'ai vu vos pantalons qui séchaient dans la cour... Alors j'ai cru que vous ne viendrez pas!

# Lỡ dịp may

-Tại sao bé khóc?

- Mẹ cho cháu một xu, cháu đánh mất rồi!

- Thôi, đừng khóc nữa, một xu đây!

Đưa bé cầm đồng xu và lại khóc to hơn nữa.

- Còn gì nữa nào, cháu bé tội nghiệp?

- Bà ơi, nếu cháu không đánh mất xu của mẹ cháu thì bây giờ cháu đã có hai xu rồi!

## Les occasions manquées

- Pourquoi pleures-tu, mon petit?

- Maman m'a donné un sou et je l'ai perdu!

- Tiens, ne pleure plus! Voici un sou!

L'enfant prend la pièce et se mit à pleurer encore plus fort.

- Qu'est-ce qu'il y encore, mon pauvre mignon?

- Ben, si j'avais pas perdu le sou à maman, j'en aurais maintenant deux!

# Một sự đáng trí lớn

-Ông khuôn vác, tất cả vali của tôi đã ở trong nhà cả rồi chứ? Một ông Gabrôvô hỏi.

- Vâng, thưa ông!

- Ông chắc chắn là tôi không quên gì chứ?

- Vâng thưa ông... trừ tiền boa ạ.

## **Grand distrait**

- Porteur, mes valises sont bien dans le compartiment? demande un Gabrovien.

- Oui, monsieur!

- Vous être sûre que je n'ai rien oublié?

- Oui, monsieur... sauf le pourboire.

# Lời mời của người Gabrôvô

"Khi nào bác đến thăm tôi ở Gabrôvô, chúng ta sẽ sang các nhà hàng xóm và bác sẽ thấy ở chỗ chúng tôi họ mến khách như thế nào..."

## Invitation Gabroviennne

“Quand tu viendras me voir à Gabrovo, nous irons chez le voisins et tu verras comme on est hospitalier, chez nous...”

# Hào phóng

Một ông Gabrôvô tiếp khách. Ông ta rút ra bao thuốc và mời ông ngồi cạnh bên phải một điều, người này trả lời:

- Không, cảm ơn, tôi không hút thuốc!

Ông ta quay sang ông ngồi cạnh bên trái, người này cũng từ chối.

Lúc đó, người vợ khẽ nói với ông ta:

- Tại sao mình không mời ông khách ngồi đối diện?

- Chính ông ấy mới hút thuốc! Ông Gabrôvô hạ thấp giọng trả lời.

## Largesse

Un Gabrovien est en visite. Il sort son paquet de cigarettes et en offre une à son voisin de droite, qui répond:

- Non, merci, je ne fume pas!

Il se tourne alors vers son voisin de gauche qui refuse également.

Alors, sa femme lui dit tout bas:

- Pourquoi que tu n'en offres pas au monsieur en face?

- C'est que lui, il fume! Répond à mi-voix le Gabrovien.

# Truyện hình

Máy thu hình của một ông Gabrôvô bị hỏng. Hình thì tốt nhưng không nghe thấy tiếng.

- Mình ơi, ông ta nói. Sang nhà hàng xóm nhờ ông ấy vặn to tiếng máy của ông ấy lên nhé!

## Télévision

Le téléviseur d'un Gabrovien tombe en panne. L'image est bonne, mais on n'entend plus de son.

- Femme, dit-il. Va donc chez le voisin et prie-le d'augmenter le volume de son appareil!



# Đúng giữa

Một người Gabrôvô mua cá tuyết. Người bán hàng hỏi ông ta chọn khúc nào.

- Anh cắt cho tôi cái đầu... Thế! Bây giờ cắt cho tôi cái đuôi... Tốt! Anh gói chỗ giữa lại...

## **Le juste milieu**

Un Gabrovien achète de la morue. Le marchand lui demande quel morceau il a choisi.

- Tu me coupe la tête... Voilà! Et maintenant, tu me coupes la queue... Parfait! Et tu enveloppes le milieu...

# Không đúng chỗ

Một cư dân ở Sofia có thói xấu là xin thuốc những người không quen biết ông ta gặp trên đường phố. Để khỏi tỏ ra cái vẻ ăn xin, anh ta rồi rít xin lỗi và đưa ra đồng năm xu tiền điều thuốc người ta đưa cho anh ta. Đương nhiên ai cũng từ chối một cách lịch sự. Một hôm, trên sân ga, anh ta sán lại một hành khách xin ông ta thuốc lá, đồng thời chìa ra đồng năm xu như mọi lần. Điều bất ngờ với anh ta là ông khách không quen biết sau khi đưa thuốc cho anh ta, cầm đồng tiền và bỏ vào túi. Chung hững, con người khiếm nhã ấy chỉ kịp hỏi:

- Ông từ đâu tới, thưa ông?
- Tôi từ Gabrôvô! Người không quen biết trả lời một cách trang trọng.

## Mal tombé

Un provincial résidant à Sofia avait acquis la fâcheuse habitude de quémander des cigarettes à des inconnus qu'il rencontrait dans la rue. Pour ne pas avoir l'air de mendier, il se confondait en excuses et proposait une pièce de cinq sous pour la cigarettes qu'on lui tendait. Evidement, tous refusaient courtoisement. Un jour, sur le quai de la gare, il aborda un voyageur à qui il demanda une cigarette, proposant comme toujours la pièce de cinq sous. Quelle ne fut pas sa surprise lorsque l'inconnu, après lui avoir offert une cigarette, prit la pièce et l'empocha. Pris de court, l'indélicat personnage n'eut que le temps de demander:

- Mais d'où être-vous, Monsieur?
- De Gabrovo! répliqua dignement l'inconnu.

# Trăm tuổi

Một nhà báo đến một làng của Gabrôvô để phỏng vấn một người chăn cừu trăm tuổi. Anh ta gặp ông cụ với đàn cừu và dê, anh ta đưa ra câu hỏi đầu tiên:

- Cụ uống sữa nào, thưa cụ. Sữa cừu hay sữa dê?
- Uống cái rẻ, anh bạn ạ, ông già đáp.

## Centenaire

Un journaliste arrive dans un village de Gabrovo pour interviewer un berger centenaire. Il le trouve avec son troupeau de moutons et de chèvres et lui pose la première question:

- Quel lait buvez-vous, grand père? Du lait de brebis ou de chèvre?
- Du moins cher, mon gars! répond le vieillard.

# Bánh sừng bò

-Piêrô! i mua hai cái bánh sừng bò. Một cái cho anh và một cái cho em.

Piêrô trở lại mồm đầy bánh.

- Ở cửa hàng chỉ còn bánh của em thôi.

## **Le croissant**

- Pierrot! va donc acheter deux croissant. Un pour toi et un pour moi.

Pierrot revient, la bouche pleine.

- Il n'a avait que mon croissant à boulangerie!

# Nghệ thuật để trở thành nhà buôn

Việc làm ăn của một nhà buôn trở nên tồi tệ. Ông ta quyết định đi học những mảnh lối nghề nghiệp và cầu sự giúp đỡ của một người bạn Gabôvô.

Hai người bạn lên đường, mua da thỏ trong các làng.

Khi đến đường đèo trước dãy núi Ban- căng, con đường dẫn sang bên kia sườn núi, họ dừng chân.

- Này, người Gabrôvô nói, tôi muốn ông cho tôi vay ba trăm đồng.

Ông bạn do dự.

- Tôi muốn lắm, nhưng ông phải cho tôi một bảo đảm.

- Bảo đảm của tôi đây! Người Gabrôvô nói và đưa ba lô, trong có các tấm da thỏ cho ông bạn, ít nhất bốn trăm đồng đây, ông biết mà.

Ông Gabôvô rút tiền vào túi còn bạn ông ta mang hàng trên vai. Họ vượt qua dãy Ban-căng, ông học nghề buôn nhể nhại mồ hôi, thở phì phò dưới bọc hàng. Đến Can-da-lích, ông Gabrôvô rút tiền ra và nói:

- Đây, tôi trả ông món nợ, ông cho tôi xin lại cái bảo đảm.

Ông ta lấy lại các tấm da.

- Như ông thấy đấy, chẳng có gì phức tạp cả. Ông Gabrôvô nói với người học việc của mình.

## **L'art d'être commerçant**

Les affaires d'un commerçant allaient mal. Il décida alors apprendre les finesses du métier et rechercha l'aide d'un ami gabrovien.

Les deux compère se mirent en route, achetant dans les villages des peaux de lapin.

Lorsqu'ils atteignirent la passe des monts Balkans qui les conduira sur l'autre versant, ils firent halte.

- Écoute, dit le Gabrovien, je voudrais que tu me prêtes trois cents leva.

L'homme hésitait.

- Je veux bien, mais il faut que tu me donnes une garanti.

- Ma garanti, la voilà! dit le Gabrovien en lui remettant le ballot, dedans il y a des peaux, il y en a pour au moins quatre cents leva, tu sais.

Le Gabrovien empocha l'argent tandis que son ami chargea la marchandise sur ses épaules. Ils traversèrent ainsi les Balkans, l'apprenti-commerçant suant et soufflant sous son fardeau. A Kanzanlik, le Gabrovien sortit l'argent et dit:

- Tiens, je te paye ma dette, rends-moi ma garantie.

Il reprit ses peaux.

- Comme tu vois, c'est pas compliqué! Le Gabrovien dit à son apprenti.

# Tưởng tượng

Một hôm người ta hỏi một ông Gabrôvô, một người nghiện nặng thuốc lá, tại sao ông ta cắt điều thuốc làm hai.

- Đơn giản thôi! Tôi tưởng tượng là hút hai điều cho nên ít châm hơn.

## Imagination

Un jour on demande à un Gabrovien, fumeur impénitent, pourquoi il coupait ses cigarette en deux.

- C'est pourtant bien simple! J'imagine en fumer deux et j'en allume plus rarement!

# Giết thời gian

Hai người lái xe tải hạng nặng, cả hai đều là người Gabrôvô, lái lên chiếc cầu hẹp cùng một lúc. Hai chiếc xe tải không thể tránh nhau, họ dừng xe sát mũi nhau, mà chẳng ai nghĩ đến lùi lại để người kia qua. Xăng đắt quá! Một trong hai người lấy ra tờ báo của mình và bắt đầu đọc, hy vọng rằng người kia nản lòng chờ đợi, sẽ nhượng bộ. Nhưng đối thủ, ung dung ngồi trong buồng lái, vui vẻ nói vọng ra:

- Này! Anh bạn đồng nghiệp! Khi nào đăng ấy đọc xong tờ báo thì đưa nó cho tớ để đến lượt tớ đọc nhá!

## A l'usure

Deux chauffeurs de poids-lourds, tous deux Gabroviens, s'étaient engagés simultanément sur un pont étroit. Les deux camions ne pouvant se croiser, ils s'arrêtent capot contre capot, mais nul ne songe à faire marche arrière pour permettre à l'autre de passer. L'essence est si chère! Un des chauffeurs sort son journal et se met à lire, espérant que l'autre, lassé d'attendre, céderait. Mais le compère, confortablement installé dans sa cabine, lui jette d'un ton enjoué:

- Eh! Collègue! Quand tu auras fini le journal, passe-le pour que je le lise à mon tour!



# Thật là lịch sự!

Hai người Gabrôvô ở trọ cùng một phòng. Mặc dù cả hai đều nghiện nặng thuốc lá nhưng suốt thời gian đó không hề châm một điếu nào... Mỗi người đều nghĩ rằng có thể người kia không có thuốc lá!

## **Quelle délicatesse!**

Deux Gabroviens voyageaient dans le même compartiment. Bien que grands fumeurs tout les deux, ils firent tout le trajet sans allumer une cigarette... Chacun d'eux avait pensé que l'autre n'avait peut-être pas de cigarette!

# Xã giao

Một người Scôtlén và một người Gabrôvô ngồi ăn trong một nhà hàng. Họ gọi món cá và nhận thấy rằng phía đuôi con cá ít thịt hơn phía đầu. Không biết nên đung vào món ăn như thế nào, họ ngồi rình rập với nụ cười nhả nhả trên môi.

Người Scôtlén bắt đầu câu chuyện:

- Ông có biết thế nào là một nhà triết học không?
- Không, người Gabrôvô trả lời dửng dưng. Người Scôtlén nhanh tay quay cái đĩa cho miếng ngon nằm phía trước ông ta.
- Nhà triết học là người có khả năng xoay chuyển thế giới như tôi vừa quay cái đĩa!
- Tuyệt vời! Và chúng ta không phải là những nhà triết học, trong trường hợp đó, ta hãy để nguyên thế giới như nó vốn thế! Người Gabrôvô trả lời và đặt lại cái đĩa trở về vị trí ban đầu.

## Diplomate

Un Ecossais et un Gabrovien dînent dans un restaurant. Ils commandent un poisson et remarque celui-ci est beaucoup plus mince côté queue que côté tête. Ne sachant comment entamer le plat, ils se guettent, un sourire affable aux lèvres.

L'Ecossais engage la conversation:

- Savez-vous ce que c'est qu'un philosophe?
- Non, répond le Grabovien impassible L'Ecossais fait alors tourner prestement le plat si bien que le bon morceau se trouve devant lui.

- Un philosophe est un homme capable de retourner le monde comme je viens de le faire avec ce plat!

- Parfait! Et nous ne sommes pas des philosophes. Dans ce cas, laissons le monde tel qu'il est! réplique le Gabrovien en rétablissant le plat dans la position première.

# Trọng lượng và kích thước

Một thương nhân danh tiếng vùng Gabrôvô đang xử lý một vụ làm ăn lớn với một khách hàng thì người giúp việc của ông ta chạy bỏ vào cửa hàng để báo với ông chủ rằng nhà hết sạch dầu ô-liu rồi.

- Nay, tiền đây, ông thương gia nói với vẻ quan trọng. Lấy cái vò lớn 10 lít đi mua...

Và ông ta thì thâm vào tai cậu giúp việc, nói thêm :

... một trăm gam.

## Des poids et de mesures

Un célèbre négociant de Gabrovo traitait une grosse affaire avec un client lorsque son apprenti fit irruption dans le magasin, pour dire à son patron qu'il n'y avait plus d'huile d'olive à la maison.

- Tiens, voilà de l'argent, dit le négociant avec d'un air important. Prends la grosse dame-jeanne de 10 litres et va en acheter...

Et il ajouta, chuchotant à l'oreille du garçon:

... cent grammes!

# Không thỏa hiệp

Một người Gabrôvô thấy mình cần phải đi khám bệnh. Biết là bác sĩ lấy lần đầu hai đồng, các lần sau mỗi lần một đồng, ông bệnh nhân của chúng ta quyết định chơi khăm nhà chuyên môn.

- Khi tôi đến khám lần đầu, bác sĩ đã kê thuốc cho tôi, thuốc ấy tỏ ra không hiệu nghiệm.

Nhưng ông bác sĩ cũng là dân Gabrôvô gốc, ông ta khám phá ra cái mẹo này, tuy vậy không tỏ vẻ gì và vẫn khám người bệnh một cách cẩn thận. Sau đó ông ta tuyên bố bằng một giọng quả quyết:

- Ông cần phải tiếp tục uống thuốc mà tôi đã kê lần đầu.

- Theo tôi nhớ, ông bệnh nhân của chúng ta không bị mất phương hướng, tôi đã trả tiền cho lời khuyên này khi đến khám lần đầu!

## Dos à dos

Un Gabrovien se voit obligé de consulté un médecin. Sachant que le médecin prend deux leva pour la première consultation et un leva pour les suivantes, notre malade décide d'abuser l'homme de l'art.

- Quand je suis venu chez vous pour la première fois, vous m'avez prescrit un remède qui s'est révélé ineffiace.

Mais le médecin est un Gabrovien de vieille souche, lui aussi, il évente la ruse, mais ne laisse rien paraître et examine soigneusement son patient. Puis il se prononce d'un ton catégorique:

- Vous devez continuer à prendre le même remède que je vous avais prescrit la première fois.

- Autant qu'il m'en souviennne, réplique notre malade sans perdre le nord, je vous avait déjà payé pour ce conseil lord de ma première visite!

# Chiếc mũ rơm

Một nông dân vùng lân cận Gabrôvô tranh thủ dịp lưu lại thủ đô để mua một chiếc mũ rơm. Ông ta vào một cửa hàng lớn và dừng lại trước một cái mũ Panama to tướng.

- Giá bao nhiêu? Ông ta hỏi.

- Hai mươi đồng, người bán trả lời.

Ông Gabrôvô, vốn quen đếm từng xu, thấy rằng cái giá này thật quá đáng và cho rằng người ta chế giễu mình. Để tỏ ra không phải tay vừa, ông ta nháy mắt một cách tinh quái với người bán hàng và hỏi:

- Thế những cái lỗ đâu?

- Lỗ nào?

- Những cái lỗ để xỏ hai tai của con lừa đàn độn chịu trả cả đồng tiền ngu ngốc cho một cái mũ rơm thô sơ ấy!

## Le chapeau de paille

Un paysan de environs de Gabrovo profite de son séjour dans la capital pour s'acheter un chapeau de paille. Il entre dans un grand magasin et tombe en arrêt devant un magnifique panama.

- Combien? demande-t-il.

- Vingt leva, réponde le vendeur.

Le Gabrovien, habitué à compter les stotinski, trouve ce prix exorbitant et s' imagine qu'on se moque de lui. Pour ne pas être en reste, il adresse un clin d'œil malicieux au vendeur en lui demande:

- Et où sont les trous!

- Quels trous?

- Mais ceux par lesquels on passe les oreilles de l'âne qui consentirait à payer cette somme folle pour un simple chapeau de paille.

# Quảng cáo

- Anh nói tấm vải này là mẫu mới nhất?
- Mới nhất! Hôm qua họ vừa giao cho chúng tôi từ xưởng!
- Thế anh chắc chắn là nó không bạc màu chứ?
- Hoàn toàn chắc chắn! Một tháng nay nó nằm trong tủ kính mà chẳng bạc tí nào!

## Réclame

- Alors vous dites que ce tissu est le dernier cri de la mode?
- Le tout dernier! On nous l'a livré hier de la fabrique!
- Et vous êtes sûr qu'il ne déteint pas?
- Absolument! ça fait plus d'un mois qu'il est en vitrine, et il n'a rien!



# Chuyện vặt

Người bán hàng không tìm được đồng một xu để trả cho khách, một ông Gabrôvô giàu có.

- Ông muốn tôi lấy cho ông cái gì để bù một xu đó? Anh ta hỏi người mua.

- Bỏ qua chuyện đó đi, anh bạn! Ông khách của chúng ta trả lời nhũn nhặn. Chiều nay ra quán anh đãi tôi một ly thế là xong!

## Une vétille

Le vendeur ne trouve pas une pièce d'une stotinka pour rendre à sont client, un rich Gabrovien.

- Que voulez-vous que je vous donne pour une stotinka? demande-t-il à l'acheteur.

- Qu'à cela ne tienne, mon bon! répond notre homme d'un ton débonnaire. Ce soir au café tu me paieras un verre et on sera quitte!

# Nền nông nghiệp lễ tang

Một người Gabrôvô già tiếp bạn. Ông cụ bung ra một liễn đầy khoai tây, và mời rất thịnh tình:

- Ăn thoải mái đi! Ít nhất là nó không đắt! Nhà trồng lấy đấy!
- Ông nói sao? Tôi không biết là ông có một cái vườn!
- Đúng thế. Nhưng, ông thấy không, vợ tôi và tôi mua lại một mảnh đất trong nghĩa trang. Thế rồi trong khi chờ đợi... chúng tôi trồng khoai tây ở đó!...

## Cultures funéraires

Un Gabrovien déjà âgé traite un ami. Il lui sert une terrine pleine de pommes de terre, et l'engage à se servir abondamment:

- Vas-y carrément! ça au moins c'est par cher! On les cultive nous-même.
- Tiens? Je ne savais pas que tu possédais un jardin!
- C'est vrai. Mais, vois-tu, on a racheté une parcelle au cimetière, ma femme et moi. Alors, en attendant... on y a planté des pommes de terre!...

# Trả công hậu hĩ!

Một ông bác sĩ, không hài lòng với món tiền bèo bọt mà khách hàng của ông ta đưa, hỏi với giọng mỉa mai:

- Đây là trả cho ai? Trả cho người giúp việc của tôi hay trả cho tôi?
- Cả hai người ạ! Ông khách hàng, người gốc Gabrôvô điềm nhiên trả lời.

## **Bien payé!**

Un médecin, mécontent de la somme dérisoire que son patient lui donne, s'enquiert d'un ton ironique:

- C'est pour qui? Pour mon domestique ou pour moi?
- Pour vous deux! répond imperturbablement le patient, Gabrovien de souche.

# Hào hiệp

Một khách đi đường khi qua Gabrôvô thì một cơn lốc ập đến. Anh ta đến lánh tại nhà một bà già.

Khi cơn lốc qua đi, bà già tốt bụng thu nhặt những quả rơi từ trên cây và mời người khách ăn.

- Con ăn đi cho mát. Năm nay nhà bác không nuôi lợn.

## Générosité

Un voyageur passait par Gabrovo lorsqu'une tornade le surprit. Il se réfugia dans la maison d'une vieille femme.

Une fois la tornade passé, la bonne vieille alla ramasser les fruits tombés des arbres et invita le voyageur à se restaurer:

- Rafraîchis-toi, mon fils. Cette année on n'a pas de cochon à nourrir!

# Làm khách

Một anh Gabrôvô dắt con nhỏ đi thăm bạn. Chị chủ nhà nói với cháu bé:

- Cháu đưa tay ra cho cô nào, để cô bỏ kẹo vào.
- Cô bỏ vào tay bố cháu ấy.
- Sao thế, cháu của cô không thích kẹo à?
- Thích ạ, nhưng tay bố cháu to hơn nhiều.

## En visite

Un Gabrovien emmène son petit garçon en visite. La maîtresse de maison dit à l'enfant:

- Donne-moi ta menotte, mon petit, que je la remplisse de bonbons.
- Remplis la main de papa!
- Pourquoi donc, mon chéri, tu n'aimes pas les bonbons?
- Oh! Si! Mais la main de papa est bien plus grande!

# Góc độ nhìn

Một bệnh nhân sau khi mổ, hỏi một bác sĩ người Gabrôvô:

- Nghỉ ở vùng núi và nghỉ ở vùng biển khác nhau thế nào?
- Ở các khoản chi phí! Nhà chuyên môn trả lời.

## Point de vue

Un Gabrovien, après d'opération, consulte un médecin gabrovien:

- Quelle est la différence entre les vacances passé à la montagne et des vacances au bord de la mer?
- Dans les faux frais! réponde l'homme de l'art.

# Biện pháp hay

Các nhân viên kiểm tra thuế đến lục soát một làng Gabrôvô để tìm rượu lậu mà dân làng nấu, và đương nhiên họ gặp một cái làng trống trơn. Chỉ còn một ông già đến gặp họ và nói:

- Đến nhà tôi mà tìm!

Các nhà chức trách lục soát khắp nhà từ hầm đến mái, nhưng vô ích. Một trong hai người nói: “Lão già này chơi khăm ta đó!”

Nhưng ông già đáp lại:

- Không! Họ giấu kỹ quá đến nỗi tôi tìm không ra!

## **Les grands moyens**

Les contrôleurs du fisc viennent en inspection dans un village de Gabrovo pour découvrir l’eau-de-vie de contrebande que les villageois distillent et, naturellement, ils trouvent le village désert. Seul un vieillard vient à leur rencontre et leur dit:

- Venez chez nous et cherchez!

Les fonctionnaires fouillent la maison de fond en comble, mais en vain. L’un d’eux dit: “Ce vieillard se f... de nous!”

Mais le vieux rétorque:

- Pas du tout! Ils l’ont si bien cachée que moi non plus j’arrive pas à la trouver!

# Một kỷ lục về tuổi thọ

Một nông dân vùng lân cận Gabrôvô ra tỉnh, đi chân đất, đôi giày cũ trên vai. Một thầy giáo trẻ đi bên cạnh.

Người nông dân ném cái nhìn xuống đôi giày bóng lộn mới tinh của chàng trai, rồi nói:

- Đôi giày của tôi, tôi đi đã mười năm nay...
- Nó còn chịu được mười năm nữa, bố ạ, nếu bố cứ “đi” như thế kia! Anh thầy giáo trẻ cười và trả lời.

## Un record de longévité

Un paysan des environs de Gabrovo allait en ville, pieds nus, ses vieilles savates sur l'épaule. A ses côtés marchait une jeune instituteur.

Le paysan jeta un regard sur les souliers flambant neuf du jeune homme, puis il dit:

- Mes savates, je les porte depuis dix ans...
- Elles te dureront encore dix ans, grand-père, si tu les “portes” comme ça! répliqua l'instituteur en riant.



# Cuộc so tài

Tính hài hước của Gabrôvô và của Scôtlén giống hệt nhau. Đây là một điển hình:

Một hôm, một người Gabrôvô và một người Scôtlén đến dự một hội nghị được chú ý bởi thông cáo “Vào tự do”. Sau bài diễn văn của mình, người chủ tọa nói với vị cử tọa và yêu cầu ông ta góp tiền cho một công việc từ thiện. Người Scôtlén biến mất và người Gabôvô nhanh chân lùi ra ngoài.

## Epreuve

L’humour gabrovien et écossais se ressemblent étonnamment. En voici un échantillon:

Un jour, un Gabrovien et un Écossais vont à une conférence attirés par l’annonce “Entrée libre”. Après sa lecture le conférencier s’adresse à l’assistance et lui demande de verser son écot pour une œuvre de bienfaisance. L’Écossais s’eavanouit et le Gabrovien s’empresse de le sortir à l’air pur.

# Ông thế nào, cháu thế ấy

- Ông ơi, ông có răng không?

- Không, con ạ!

- Thế thì ông trông cho cháu miếng bánh mì để cháu ra sân chơi với các bạn.

**Tel-grand père, tel petit-fils**

- Grand-père, as-tu des dents?

- Non, mon enfant!

- Alors, garde mon quignon pendant que je vais jouer avec mes copains dans la cour!

# Hỏi bệnh ở Gabrôvô

Một bà Gabrôvô gặp trên phố ông bác sĩ, một trong các bạn bà ta. Bà ta tranh thủ dịp may trời cho để có được một đơn thuốc miễn phí:

- A! Bác sĩ thân mến! Tôi cảm thấy khó chịu trong người quá. Tôi bị chóng mặt và không muốn ăn gì cả. Ông có thể kê cho tôi cái đơn được không?

- Rất sẵn lòng, ông bác sĩ trả lời, ông ta cũng là người Gabrôvô. Nhưng trước hết tôi muốn khám chút đã. Xin cởi quần áo ra, bạn thân mến!

## Consultation à Gabrovo

Une Gabroviennne rencontre dans la rue un médecin des ses amis. Elle profite de l'aubaine pour obtenir une ordonnance gratis:

- Ah! Cher Docteur! Je ne me sens pas bien du tout. J'ai des vertiges, je me sens très affaiblie et je n'ai aucun appétit. Voudriez-vous m'écrire une ordonnance?

- Avec le plus grand plaisir, répond le médecin, Gabrovien lui aussi. Mais auparavant je voudrais vous examiner. Déshabillez-vous donc, chère ami!

# Vấn đề không phải ở chỗ đó

Một ông Gabrôvô cho hàng xóm mượn một cái liễn, chẳng may ông nọ đánh vỡ mất. Ông hàng xóm ra tận chợ mua một cái liễn đẹp mới tinh và to hơn, sau đó mang về trả cho ông bạn tốt bụng.

- Bác ạ! Tôi đã đánh vỡ cái liễn của bác, nay tôi xin trả bác cái đẹp hơn.

- Nó đẹp, tôi không nói làm gì, ông này thờ dài, có điều là, cái liễn của tôi, bên trong còn bóng nhẫy những mỡ!

(Cái ý không tiện nói ra:... vậy thì xin bác mang về tráng mỡ đi đã rồi trả tôi).

## **Le compte n'y est pas**

Un Gabrovien avait prêté à son voisin une terrine que celui-ci brisa malencontreusement. Il alla sur-le-champ au marché, acheta une belle terrine flambant neuf et plus grand, puis il revint la rendre à son serviable ami.

- Voilà! J'ai cassé ta terrine, mais je t'en rends une plus belle!

- Elle est belle, je dis pas, dit l'homme en soupirant, Seulement, la mienne, elle était toute huillée du dedans.

# Hào phóng

-Cái áo choàng cũ của em chẳng còn một cái cúc nào! Cứ như thế mà ra đường thì em đến xấu hổ!

- Em yên chí! Ngày mai anh sẽ mua cho em cái mới toanh!

- Cái áo choàng mới?

- Không! Cái cúc.

## Largesse

- Mon vieux manteau n'a plus un seul bouton! J'ai honte de sorti comme ça!

- T'en fais pas! Je t'en achèterai demain un tout neuf!

- Un manteau neuf?

- Non! Un bouton!

# Danh thiếp

Nhân viên phục vụ xách vali của khách lên tầng 4.

- Cầm lấy! Uống cà phê! Ông khách đưa cho anh ta viên đường.

Tại quầy lễ tân, viên quản lý nói với nhân viên phục vụ nọ:

- Lên gác yêu cầu buồng 412 đưa thẻ chứng minh thư cho anh để vào sổ đăng ký.

- Khỏi cần! Anh nhân viên nói. Ông ghi vào: Ông Pingre-Gabrôvô.

## Carte de visite

Le groom porte la valise de son client au quatrième étage.

- Tenez! Vous prendrez un café! et l'homme lui tend un morceau de sucre.

A la réception, le gérant dit au groom:

- Monte et demande au 412 de te donner sa carte d'identité pour l'inscrire au registre.

- Pas la peine! Dit le groom. Écrivez: Mr Pingre-Gabrovo!

# Triển vọng

Người ta cần thuê một người Gabrôvô.

- Lương tháng bao nhiêu? Ông ta hỏi.
- Khởi điểm là bảy mươi đồng, sau đó, hai hoặc ba lần tăng sẽ là một trăm.
- Được! Ông ta trả lời. Tôi sẽ trở lại sau.

## Perspective

On propose un emploi à un Gabovien.

- Quel sera mon salaire? demande-t-il.
- Pour commencer soixante-dix leva et, plus tard, après deux ou trois augmentations cent leva.
- Parfait! répliqua-t-il. Je reviendrai plus tard!

# Lời khuyên ân cần

Một người Gabrôvô đi thăm con, sinh viên tại Sofia.

- Bố ơi! Hôm nay con tiết kiệm được một cái vé tàu điện bằng cách chạy theo sau nó đến tận trường! Chàng trai thông báo một cách trang trọng.

- Con của bố ngốc quá! Bố cậu ta đáp. Lần sau con hãy chạy theo sau một cái taxi!

## Conseil paternel

Un Gabrovien rend visite à son fils, étudiant à Sofia.

- Papa! aujourd'hui j'ai économisé un ticket de tram en courant après jusqu'à l'université! Annonce fièrement le jeune homme.

- Petit imbécile! réplique son père. La prochaine fois tu courras après un taxi!



# Nhờ ăn cá

Một nông dân hỏi một người bán hàng khô Gabrôvô tại sao những người Gabrôvô là những nhà buôn sành sỏi thế.

- Đó là do loại cá mà chúng tôi ăn! Người nọ đáp.

Thế là người nông dân yêu cầu ông ta bán cho những con cá trích hun khói đó, trả tiền không mặc cả rồi đi.

Vài ngày sau, người nông dân quay lại và nói:

- Tôi đã ăn cá rồi, nhưng chẳng có gì thay đổi cả.

- Phải ăn nữa, người bán hàng khẳng định.

- Được, người nông dân nói, nhưng lần vừa rồi lấy tôi hơi đắt... Ông có thể bớt giá đi tí chút được không, tôi không có ý nói...

- Ông thấy chưa? Người bán hàng reo lên. Ông bắt đầu hiểu ra rồi đây!

Và ông ta chỉ lấy nửa giá.

## Sous le signe du poisson

Un paysan demande à un épicier de Gabovo pourquoi les Gabroviens sont de si avisés commerçants?

- C'est à cause du poisson que nous mangeons! réplique l'homme.

Le paysan demande alors qu'il lui vende de ces harengs saurs, paye sans marchander et s'en va.

Quelques jours plus tard, le paysan revient et dit:

- J'ai mangé le poisson, mais il n'y a rien de changé.

- Faut en prendre encord, affirme l'épicier.

- D'accord, dit le paysan, mais la dernière fois ça m'a coûté cher... Si tu me faisais une petite remise, je dit pas...

- Tu vois? s'exclame l'épicier. Tu commences à comprendre!

Et il lui prend moitié prix.

# Chuyến đi cuối cùng

Một người Gabrôvô đi xe lửa. Đến mỗi một ga, ông ta đều xuống mua một vé để đến ga sau.

Những người cùng toa bảo ông ta:

- Tại sao ông không mua một vé đi thẳng đến Gabrôvô? Trước hết làm như vậy sẽ rẻ hơn và sau nữa ông có vẻ không được khỏe và sẽ mệt cho ông!
- Đúng như vậy! Ông Gabrôvô trả lời. Bác sĩ của tôi báo cho tôi rằng sức khỏe tôi rất kém và mọi chuyện đều có thể xảy ra... Do vậy nếu tôi phải chết dọc đường thì tiền mua vé suốt sẽ phí đi!

## Le dernière voyage

Un Gabrovien voyage en train. A chaque gare, il descend et achète un billet pour la station suivante.

Les gens dans son compartiment lui disent:

- Pourquoi n'achetez-vous pas un billet direct pour Gabrovo? D'abord, ça revient moins cher et puis vous avez mauvaise mine et c'est fatigant pour vous!
- Justement! réplique le Gabrovien. Mon médecin m'a prévenu que je suis au plus mal et que tout peut arriver... Alors, si jamais je dois mourir en cours de route, dommage pour tout cet argent gaspillé!

# Một thời thượng

Một chàng trai Gabrôvô nói với ông mình:

- Ông ơi, cần phải hiện đại và một bây giờ là mua mua cho cháu mình một cái ô tô.

- Cháu ơi, ông thà theo một hôm qua còn hơn...

## **La mode à l'heure du temps**

Un jeune homme de Gabrovo dit à son grand-père:

- Grand-père, il faut être moderne et la mode aujourd'hui est d'acheter à son petit-fils une voiture...

- Moi, fiston, je suis plutôt de la mode d'hier.

# Quà tết

- Bố ơi, đêm qua con nằm mơ thấy bố mua cho con năm đồng sôcôla.
- Nếu con ngoan thì đến Nôen con sẽ nằm mơ thấy bố mua cho con cả ki-lô, con ạ!

## Étrennes

- Papa, J'ai rêvé cette nuit que tu m'avais acheté du chocolat pour cinq leva.
- Si tu es sage, pour Noël, tu pourras rêver que je t'en ai acheté un kilo tout entier, mon petit!

# Cửa chính

Buôn bán sa sút. Một thương nhân Gabrôvô quyết định thanh lý kho hàng. Ông ta treo một tấm biển trước cửa hàng, thông báo: “Hạ giá! Giảm 20%! ”.

Không chịu kém, ông chủ hiệu bên cạnh treo biển đề: “Giảm 30%”.

Khi ấy, ông thương gia, chủ cửa hàng ở giữa hai đối thủ cạnh tranh đó, treo bảng yết thị: “Cửa chính vào mua hàng hạ giá”.

## L’entrée principal

Les affaires périclitent. Un commerçant gabrovien décide de liquider son stock. Il accroche une pancarte à la devanture de sa boutique annonçant: “Soldes! 20% de rabais!”

Ne voulant pas être en reste, le commerçant tenant une boutique voisine accroche une pancarte portant: “Rabais 30%!”

Alors, le commerçant qui tenait boutique entre les deux concurrents placarda “Entrée principale de soldes”

# Trên xe lửa

Người soát vé hỏi cậu bé người Gabrôvô:

- Cháu học lớp mấy?
- Cháu học lớp 6 ạ!
- Thế cháu lên mấy?
- Cháu mới năm tuổi, cháu không phải mua vé đâu ạ!

## **Dans le train**

- Dans quelle classe es-tu, mon petit?

Demande le contrôleur.

- En sixième, monsieur!
- Et quel âge as-tu?
- Ben, j'ai pas encore cinq ans! réplique le petit Gabrovien. Alors, je voyage sans billet!

# Tuổi trẻ hoang phí

Một ông Gabrôvô trông thấy một chàng thanh niên ăn cả một con cá trích hun khói trong bữa sáng. Không chịu được, ông ta nói:

- Này anh bạn trẻ, phí phạm quá! Một con cá trích, tôi ăn được cả ngày. Buổi sáng tôi kẹp nó giữa hai lát bánh mì, buổi trưa tôi ăn một lát bánh, buổi tối tôi ăn lát kia!

## **jeuness dispendieuse**

Un Gabrovien voit un matin un jeune homme manger à son petit déjeuner un hareng saur tout entier. N'y tenant pas il lui dit:

- Ecoutez, jeune homme, c'est de la folie! Avec un hareng, je passe toute la journée. Le matin, je le mets entre deux tranches de pain, à midi, je mange une tranche et le soir l'autre!



# Cáo phó

"Người cha kính yêu của chúng tôi tạ thế vào một ngày phiên. Cầu Chúa phù hộ linh hồn ông. Để tưởng nhớ ông, cửa hàng sẽ mở cửa đến tối."

## **Fair-part**

“Notre père bien-aimé est mort un jour de marché. Que Dieu ait pitié de son âme! La boutique sera ouverte tard dans l’après- midi pro memoriam”.

# Tỉnh táo

Một ông Gabrôvô trèo thang, trượt ngã và ngất đi. Khi tỉnh lại, câu đầu tiên của ông ta là:

- Cái thang đâu? Nó không sao chứ?

## **Présence d'esprit**

Un Gabrovien monta sur une échelle, glissa, tomba et perdit connaissance. Lorsqu'il reprit ses esprits, ses premières paroles furent:

- Et l'échelle? Elle a rien, au moins?

# Chủ nhật

Vợ ông Gabrôvô hỏi ông, cần đập mấy quả trứng vào canh để cho thêm ngọt.

- Hôm nay chủ nhật, ông ta nói với vẻ rộng rãi, cho hẳn nửa quả vào!

## Dimanche

La femme d'un Gabrovien lui demande combien d'œufs elle doit mettre dans la soupe pour l'assaisonner.

- Nous sommes dimanche aujourd'hui, dit l'homme avec un large geste. Mets-en la moitié d'un!

# Chọn địa điểm

Đã đến lúc Thành phố Gabrôvô quyết định dựng bức tượng để tôn vinh Ratcho le Forgeron, người sáng lập ra thành phố này. Các tác giả của dự án đều là dân Gabrôvô gốc, kiến nghị rằng tượng đài sẽ đặt ở chính giữa sông Yantra, con sông chảy qua thành phố. Điều làm họ ngạc nhiên là các ủy viên hội đồng Gabrôvô ngay lập tức chấp nhận ý tưởng này với sự nhất trí cao.

- Đây là ý tưởng tuyệt vời. Các vị chức sắc của thành phố đồng thanh nói. Ở giữa sông, tượng đài sẽ chiếm một vị trí mà không một ai trong chúng ta biết làm gì để sinh lợi.

## **Un emplacement de choix**

C'était à l'époque où la ville de Gabrovo avait décidé d'ériger une statue en l'honneur de son fondateur, Ratcho le Forgeron. Les auteurs du projet, soucieux d'originalité, proposaient que la statue fût érigée au beau milieu de la rivière Yantra qui travers la ville. A leur grande surprise, les édiles gabroviens adoptèrent d'emblée cette idée pour le moins insolite.

- Ce sera parfait, dirent en chœur les notables de la ville. Au milieu de la rivière. Ce monument occupera une place que nul d'entre nous ne saurait mettre en valeur!

# Bài học đầu tiên

Một người Gabrôvô mua một đôi giày mới cho con trai. Buổi chiều, ra ngoài đi dạo, ông ta hỏi đứa con:

- Con đang đi đôi giày mới phải không?
- Vâng ạ.
- Thế thì bước dài ra, con!

## Première lection

Un Gabrovien avait acheté des chaussures neuves à son petit garçon. Le soir, sortant à la promenade, il demanda au garçonnet:

- Tu as mis tes chaussures neuves?
- O! oui, papa.
- Alors, allonge le pas, mon fils!

# Mù tạt không mất tiền

Một người Gabrôvô mua xúc xích. Sau khi cân hàng, người bán bỏ thêm vào đó một hộp nhỏ mù tạt.

- Ô kìa! Không. Tôi có hỏi mua mù tạt đâu. Ông bạn Gabrôvô của chúng ta nói, về hết hoảng.

- Mù tạt không mất tiền mà!

- Ô! Hay quá! Thế thì tôi chỉ lấy mù tạt thôi!

## Moutarde gratis

Un Grabovien achète du caucisson. Après avoir pesé charcuterie, le vendeur y ajoute une petite boîte de moutarde.

- Eh! là! J'ai pas commandé de moutarde! fit notre Gabrovien, alarmé.

- Mais la moutarde est gratis!

- Ah! Bon! Dans ce cas enveloppez-moi seulement la moutarde!

# Sức mạnh của thói quen

Một người Gabrôvô vào nhà vệ sinh công cộng. Nhân viên quản lý ở quầy nhắc:

- Lấy vé!
- Thẻ! Anh ta nói, theo thói quen đi lậu vé xe điện.

## **La force de l'habitude**

Un Gabrovien entre dans le W.C. publics. Le préposé au guichet l'interpelle:

- Prenez un ticket!
- Carte! Fait notre homme, habitué à resquiller dans tramways.

# Con sư tử thả rông

Một thương gia đặt một họa sĩ Gabrôvô làm một tấm biển hiệu cho cửa hàng của mình. Ông ta yêu cầu họa sĩ vẽ một con sư tử trên tên hiệu.

- Ông muốn nó thế nào, buộc hay thả? Bởi vì sư tử thả tôi lấy 100 đồng, sư tử buộc 200 đồng.

Đã biết đến tiếng tăm của những người Gabrôvô, ông thương gia đánh hơi thấy cái trò vè gì đấy nhằm vào mình để ép một cái giá cắt cổ và trả lời:

- Thả rông.

Sau vài ngày tấm biển đã xong. Ông thương gia chấp nhận và cho treo trên cửa hiệu. Đến đêm, một cơn mưa rào đổ xuống thành phố. Khi mở cửa hàng, ông ta nhận thấy rằng chỉ còn tên hiệu trên tấm biển. Chẳng còn dấu vết gì của sư tử. Tức quá, ông ta chạy đến nhà ông họa sĩ, định bụng làm rùm beng chuyện này. Nhưng ông họa sĩ ngăn lại với một thái độ đàng hoàng:

- Ông đã đặt tôi vẽ một con sư tử thả rông. Tôi không thể làm gì được nếu nó chuồn đi mất!

Cái anh chàng Gabrôvô láu cá này ã vẽ sư tử “buộc” bằng sơn dầu, còn sư tử “thả” vẽ bằng màu rẻ tiền, pha bằng nước lã!

## Le lion détaché

Un négociant commande une enseigne pour son magasin à un peintre de Gabrovo. Il désire que l'artiste dessine un lion au-dessus de l'inscription.

- Comment le voulez-vous- attaché ou détaché? Parce que je demande cent leva pour un lion détaché, et deux cents-s'il est attaché.

Le négociant, connaissant les Gabroviens de réputation, flairer quelque ruse visant à lui extorquer un prix abusif, et répond:



- Détaché.

Au bout de quelques jours l'enseigne est prête. Le négociant l'approuve et la fait accrocher au-dessus de son magasin. Durant la nuit une pluie diluvienne se déverse sur la ville. En allant ouvrir son magasin, le négociant s'aperçoit que seule l'inscription est restée sur l'enseigne. Du lion, aucune trace. Furieux, il court chez le peintre, prêt à faire un scandale. Mais l'artiste l'arrête d'un geste plein de dignité:

- Vous m'avez commandé un lion détaché. Je n'y puis rien s'il a pris la poudre d'escampette!

Ce rusé Gabrovien peignait les lions "attaché" avec de couleurs à l'huile, alors que les lions "détaché" n'avaient droit qu'à des couleurs bon marché, diluées d'eau pure!

# Quà cưới

Một cô dâu nhận được món quà cưới là ba cái ô. Cô ta muốn đổi ít nhất một cái lấy một thứ hàng khác. Nhưng người bán hàng từ chối, viện cớ là cái ô này không phải mua ở cửa hàng ông ta.

- Nhưng mà, người đàn bà trẻ rụt rè nói, nó mang nhãn của cửa hàng ông.

- Điều đó có nghĩa là, người bán hàng giải thích, cái ô đã được sửa ở cửa hàng tôi! Xin hãy xem dòng chữ ghi trên quây: “Ở đây sửa ô cũ”.

Trở về nhà, cô vợ trẻ thấy rằng hai cái kia cũng mang nhãn của cửa hàng này.

## Cadeaux de nocés

Une jeune mariée avait reçu trois parapluies comme cadeaux de nocés. Elle voulut en échanger au moins un contre autre marchandise. Mais le vendeur refusa, alléguant que cet article n'avait pas été acheté dans son magasin.

- Pourtant, fit observer la jeune femme. Il porte l'étiquette de votre magasin.

- Cela signifie, expliqua le vendeur, que ce parapluie a été réparé chez nous! Voyez l'inscription sur la vitrine: “Ici on répare les vieux parapluies”.

Rentrée chez elle, la jeune femme vit que les deux autres parapluies portaient l'étiquette du même magasin.

# Cá cược

Hai người Gabrôvô cá với nhau. Người này khoe rằng mình là người cho ít tiền hơn người kia trong việc quyên góp.

Chủ nhật sau đó, hai chàng sùng đạo của chúng ta ngồi cạnh nhau, rình ông coi nhà thờ. Ông này đi qua họ, người thứ nhất đặt đồng một xu vào khay, ném một cái nhìn đắc thắng sang đối thủ. Nhưng anh chàng này, ngược mắt lên nhìn trời, làm dấu thánh giá và nói thì thầm:

- Đây là của cả hai chúng con đây ạ!

## Pari

Deux Gabroviens avait fait un pari. Chacun d'eux se targuait de donner moins d'argent que l'autre à la quête.

Le dimanche suivant, nos deux dévots étaient assis l'un à côté de l'autre, guettant le bedeau. Lorsque celui-ci passa devant eux, le premier déposa une piécette d'une stotika dans le plateau, jetant un regard triomphant sur son compère. Mais celui-ci levant les yeux au ciel, dit dans un murmure, en se signant:

- C'était pour nous deux!

# Quà tặng kiểu Gabrôvô

-Tôi có thể tặng vợ thứ gì nhân dịp năm mới nhỉ?

- Tôi ấy à, thông thường, tôi mua những thứ gì cho chính mình dùng!  
Nhưng nếu thật là anh muốn mua một món quà tặng cô ấy... thì mua cho cô ấy bánh xà phòng!

## **Etrennes Gabroviennes**

- Que pourrais-je bien offrir à ma femme pour le Nouvel an?

- Moi, d'habitude, j'achète des choses qui me servent à moi-même! Mais si tu veux vraiment un cadeau pour elle... alors achète-lui une savonnette!

# Lòng biết ơn

Ông thợ may cho ông thợ cạo Gabrôvô vay tiền. Ông này cảm ơn rồi rít nói:

- Tôi không phải là kẻ vô ơn đâu, thế này nhá! Nếu một ngày nào đó bác lâm vào cảnh túng quẫn, cứ đến tôi!... Tôi sẽ cạo râu cho bác, không lấy tiền!

## Gratitude

Un tailleur prête de l'argent à un barbier gabrovien. Celui-ci, éperdu de reconnaissance, lui dit:

- Je ne suis pas un ingrat, va! S'il t'arrive un jour d'être dans le pétrin, viens chez moi!... Je te ferai la barbe gratis.

# Kích thích

Huấn luyện viên đội bóng đá Gabrôvô nói với thủ môn:

- Hãy trông nom cái lưới của cậu. Nếu không, tôi trù tiền lưới vào lương của cậu đó!

## **Stimulant**

L'entraîneur de l'équipe de football de

Gabrovo au gardien de but:

- Et gare à tes filets, Sinon, je te les retiens sur ton traitement!

# Không mất tiền

-Mình lúc nào cũng mơ được ngắm các nước, có một chuyến đi vòng quanh thế giới. Bao nhiêu tiền một cuộc viễn du như thế?

- Chẳng mất gì cả!

- Sao vậy?

- Mơ không mất tiền.

## à l'œil

- J'ai toujours rêvé de voir du pays, de voyage à travers le monde. Combien couterait une randonnée comme ça?

- Mais rien du tout!

- Comment ça?

- Les rêves sont gratuits!

# Vũ hội

Một chàng Gabrôvô đưa một cô gái đến vũ trường. Không biết nhảy, chàng không mời cô nhảy, cô ngồi buồn thiu. Sau một hồi lâu, cô gái nhận lời của một bạn nhảy khác. Ngay từ mấy điệu đầu tiên, chàng Gabrôvô đã đi qua sảnh và đứng sững trước cặp nhảy nọ. Anh ta đưa vé của cô gái cho người đang nhảy với cô ta và nói:

- Năm mươi xu đây! Trả tôi đi.

## Soirée dansante

Un Gabrovien avait emmené une jeune fille au bal. Ne sachant pas danser, il n'invitait pas sa compagne qui s'ennuyait ferme. Au bout d'un long moment, la jeune fille accepta l'invitation d'un autre cavalier. Le Gabrovien, dès les premières mesures de la danse, traversa la piste et se planta devant le couple. Tendant le ticket de la jeune fille au danseur, il lui dit:

- C'est cinquante stotinski! Payez-le moi!



# Lớp con cháu đáng nể

Một chú bé Gabrôvô đi mua kẹo sôcôla được nặn thành hình đứa bé con.

- Cháu của cô muốn đứa con trai hay con gái? Cô bán hàng hỏi.
- Đứa con trai! Chú bé Gabrôvô trả lời sau một thoáng suy nghĩ.

## **Digne rejeton**

Un petit Gabrovien achète un bonhomme en chocolat.

- Que veux-tu, mon petit, un garçon ou une petite fille? Demanda la vendeuse.
- Un petit garçon! répond le petit Gabrovien, après un bref instant de réflexion.

# Không còn sự lựa chọn nào khác

Một người Gabrôvô giàu có đi xe lửa và ngồi toa hạng ba. Toa tàu kín mít, nóng kinh khủng và chuyến đi là cả một sự đầy ải.

Một người Di-gan nhận ra ông nhà giàu và nói: “Thưa ngài Pi-e, sao ngài không đi hạng khác?”

- Tôi muốn lắm chứ, ông ta trả lời, nhưng không có hạng bốn!

## Il n'a pas le choix

Un riche Gabrovien prend le train et s'installe en troisième. Le compartiment est bondé, il fait une chaleur épouvantable et le voyage est tout ce qu'il y a d'inconfortable.

Un Tsigane reconnaît le richard et lui dit:

- Vous au moins, maître Pierre, pourquoi vous voyagez pas dans une autre classe?

- J'aurais bien voulu, réplique l'homme. Mais il n'y a pas de quatrième!

# Gia giáo

-Bà ơi, bà đưa hộ cháu cái kéo!

- Cháu ạ, kéo chỉ sử dụng trước mặt khách thôi. Cháu hãy dùng răng để cắn chỉ!

## Éducation

- Grand-mère, donne-moi les ciseaux!

- Les ciseaux, mon enfant, sont seulement pour devant les invités. Coupe le fil avec tes dents!

# Đo theo chân

Một người Gabrôvô đến ông thợ giày.

- Tôi muốn đóng đôi giày đo theo chân. Không đắt quá, tôi sẽ trả đúng giá, có điều là nó phải bền chắc và tôi có thể sử dụng trong thời gian dài...

## Sur mesure

Un Gabrovien va chez le savetier.

- Je voudrais une paire de savates sur mesure. Pas trop chères, et que je te payerai au prix juste, seulement faut qu'elles soient solides et qu'elles me durent un bon bout de temps...

# Thân tình

Một người Gabrôvô đứng rình người cháu là luật sư nổi tiếng tại cửa ra của toà án. Khi trông thấy cháu, ông ta chạy đến và ôm chặt lấy:

- Cháu quý hoá của chú! Gặp cháu chú mừng lắm! Nào, chiều nay đến nhà ăn bữa cơm. Chú thím sẽ vui lắm!

- Cảm ơn chú! Nhưng chú cho cháu biết... Cháu sẽ phải mang theo bộ luật nào, hình sự hay dân sự?

(Chàng luật sư cũng “tĩnh” lắm, ông chú người Gabrôvô, có chịu mất không cái gì bao giờ).

## Sentiment familial

Un Gabrovien guette son neveu, avocat célèbre à la sortie du Palais de justice. Dès qu'il l'aperçoit il court à lui et le serre dans ses bras:

- Mon brave petit! ça me fait bien plaisir de te voir! Tiens, viens dîner ce soir à la maison. Nous serons ravis, ta tante et moi!

Merci, mon oncle. Mais dit-moi... Quel code devrais-je porter avec moi- le code civil ou le code pénal?

# Câu trả lời hay

-Người ta đang kể chuyện về anh đấy! Một hôm một người khách nước ngoài nói với người bạn Gabrôvô của mình.

- Đúng thế! Người Gabrôvô trả lời. Các giai thoại là tài sản riêng của những người nổi tiếng.

## **La bonne réponse**

- On en raconte des histoires sur vous! dit un jour un étranger à un Gabrovien de ses amis.

- C'est vrai! répliqua le Gabrovien. Les anecdotes sont l'apanage des gens illustres!

# Để kết thúc

Trong những phát minh đáng nhớ mà chúng ta đang nợ những người Gabrôvô, phải kể đến:

Kiểu quần bó và váy ngắn

máy bay không động cơ (tàu lượn)

diêm không bắt lửa

và đồng một xu.

## En guise d'épilogue

Parmi les inventions mémorables, don't nous sommes redevables aux Gabroviens, citons:

la mode des pantalons étroites et des mini-jupes

l'avion sans moteur

les allumettes qui refusent se s'allumer

et la pièce d'un centime